

TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

KHOA KINH TẾ - LUẬT



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đề tài

**THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC
NGOÀI VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH
PHÚC**

NGÀNH ĐÀO TẠO: KINH TẾ

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ KINH TẾ

Sinh viên thực tập

Giáo viên hướng dẫn

- Họ và tên: PGS.TS.Hà Văn Sự

- Bộ môn: Quản lý kinh tế

- Họ và tên: Vũ Thúy Hằng

- Lớp HC: K54F3

HÀ NỘI, 2021

TÓM LƯỢC

Sau khi hoàn thành kỳ thực tập tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc, em đã học hỏi được thêm nhiều các kiến thức, kinh nghiệm làm việc và nhiều các kỹ năng khác nhau trong suốt quá trình thực tập tại nơi đây. Với mong muốn đóng góp một phần vào sự phát triển của Sở và trong thời gian thực tập em được tiếp cận với nhiều các số liệu của Sở có liên quan đến tình hình phát triển kinh tế xã hội, tình hình thu hút đầu tư,... Vậy nên em quyết định chọn đề tài “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.” để làm đề tài nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp của mình. Đề tài tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

Thứ nhất, về lý thuyết, khóa luận đã tập hợp được những khái niệm và nội dung cơ bản có liên quan đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Thứ hai, về thực tiễn, khóa luận đánh giá khái quát thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc. Và từ đó rút ra được một số các thành tựu mà tỉnh đạt được, đồng thời cũng chỉ ra một số các hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó.

Cuối cùng, trên cơ sở phân tích, đánh giá đề tài đưa ra một số các phương hướng và giải pháp nhằm đẩy mạnh hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc để từ đó tỉnh có thể áp dụng các giải pháp vào việc thu hút đầu tư của tỉnh để tình hình phát triển KT-XH ngày càng được nâng cao.

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt quá trình thực tập tổng hợp và viết khóa luận tốt nghiệp của mình, em đã nhận được sự giúp đỡ tận tình từ phía Nhà trường, thầy cô khoa Kinh tế - Luật nói chung và bộ môn Quản lý nhà nước nói riêng. Các thầy cô đã giúp em có được những kiến thức chuyên ngành vững chắc để em có thể vận dụng vào đề tài khóa luận này. Bên cạnh thầy cô và nhà trường em còn nhận được sự giúp đỡ, ủng hộ tận tình từ phía gia đình, bạn bè và người thân. Họ đã tạo cho em những điều kiện thuận lợi để em hoàn thành đề tài của mình một cách hoàn hảo nhất.

Vì vậy, em xin chân thành gửi lời cảm ơn của mình đến các thầy cô giáo trong Khoa Kinh tế - Luật và đặc biệt là tới thầy giáo PGS.TS.Hà Văn Sự, người đã trực tiếp hướng dẫn, tận tình giúp đỡ và tạo mọi điều kiện cho em trong suốt quá trình thực hiện đề tài này. Tiếp theo em xin gửi lời cảm ơn tới gia đình, người thân và bạn bè là những người luôn luôn giành những lời cổ vũ, động viên chân thành nhất cho em trong suốt quá trình thực tập và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp.

Trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu, do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế nên đề tài không thể tránh khỏi những sai sót, hạn chế. Do vậy, em rất mong các thầy cô đóng góp thêm ý kiến để giúp cho đề tài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện

Vũ Thúy Hằng

MỤC LỤC

TÓM LƯỢC	ii
LỜI CẢM ƠN	iii
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	viii
PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài luận	1
2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan	2
3. Đối tượng, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	4
4. Phạm vi nghiên cứu	4
5. Phương pháp nghiên cứu	4
6. Kết cấu khóa luận	5
CHƯƠNG I: MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THU HÚT TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	6
1.1. Bản chất và vai trò của thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn cấp tỉnh	6
1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN	6
1.1.2. Đặc điểm của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN	7
1.1.3. Vai trò của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN	9
1.2. Mục tiêu, yêu cầu và nội dung thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn cấp tỉnh	10
1.2.1. Mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	10
1.2.2. Yêu cầu trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN	10
1.2.3. Nội dung thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN	11
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và các KCN trên địa bàn cấp tỉnh	12

1.3.1. Các yếu tố bên ngoài KCN	12
1.3.2. Các nhân tố bên trong khu công nghiệp	13

1.4. Kinh nghiệm thu hút FDI vào các KCN của một số địa phương	14
1.4.1. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp vào KCN của tỉnh Bắc Ninh	14
1.4.2. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp vào KCN ở Bình Dương	16
1.4.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Vĩnh Phúc	17
CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC	19
2.1. Khái quát về đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc	19
2.1.1. Vị trí địa lý	19
2.1.2. Địa hình	19
2.1.3. Giao thông và cơ sở hạ tầng	20
2.1.4. Tài nguyên, khoáng sản	20
2.1.5. Dân số và nguồn nhân lực	20
2.1.6. Điều kiện kinh tế - xã hội	21
2.2. Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	22
2.2.1. Khái quát về tình hình phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	22
2.2.2. Tình hình chung về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (2018-quý III/2021)	25
2.2.3 Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN giai đoạn 2018- quý III/2021	26
2.2.4. Tình hình thu hút vốn đầu tư FDI vào các KCN theo lĩnh vực	27
2.2.5. Tình hình thu hút vốn FDI vào các KCN theo nhà đầu tư	28
2.3. Các hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc ..	29
2.3.1. Thực trạng công tác xúc tiến đầu tư	29
2.3.2. Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài	30
2.3.3. Các chính sách ưu đãi cho nhà đầu tư	31
2.4. Đánh giá chung về thực trạng thu hút FDI vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc	32

2.4.1. Những thành tựu đạt được

32

v

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân	33
CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THU HÚT FDI VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC	37
3.1. Phương hướng và mục tiêu thu hút FDI vào các KCN	37
3.1.1. Phương hướng thu hút FDI vào các KCN	37
3.1.2. Mục tiêu thu hút FDI vào các KCN	38
3.2. Một số giải pháp nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc	40
3.2.1. Cải cách thủ tục hành chính	40
3.2.2. Nâng cao trình độ nguồn nhân lực	41
3.2.3. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư	42
3.2.4. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN	42
3.2.5. Phát triển các KCN trên địa bàn	43
3.3. Đề ra một số kiến nghị	44
3.3.1. Đối với tỉnh Vĩnh Phúc	44
3.3.2. Đối với Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc	45
3.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	45
KẾT LUẬN	47
TÀI LIỆU THAM KHẢO	ix

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 2. 1. Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu giai đoạn 2018-quý III/2021	21
Bảng 2. 2. Khái quát các KCN tỉnh Vĩnh Phúc (một số KCN tiêu biểu)	22
Bảng 2. 3. Tổng hợp tình hình thu hút FDI tại các KCN tỉnh Vĩnh Phúc	25
Bảng 2. 4. Tổng số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại một số KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc	26
Bảng 2. 5. Tổng số vốn đăng ký FDI tại một số KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (2018-quý III/2021)	26
Bảng 2. 6. Doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh của một số lĩnh vực chủ yếu tại các KCN trên địa bàn tỉnh	27
Bảng 2. 7. Bảng tổng hợp các đối tác FDI tính đến hết năm 2020	28
Bảng 2. 8. Kết quả hoạt động của các DN FDI trong các KCN	32
Hình 2. 1. Sơ đồ vị trí tỉnh Vĩnh Phúc	19
Hình 2. 2. Tốc độ tăng GRDP 6 tháng đầu năm giai đoạn 2017-2021	21

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu	Nguyên nghĩa
1	CN	Công nghệ
2	CNH	Công nghiệp hóa
3	CSHT	Cơ sở hạ tầng
4	DDI	Đầu tị trong nước (Development Dimensions International)
5	GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
6	GDP	Thu nhập bình quân đầu người
6/7	GRDP	Tổng sản phẩm trên địa bàn (Gross Regional Domestic Product)
8	HĐH	Hiện đại hóa
9	IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế (International Monetary Fund)
10	KCN	Khu công nghiệp
11	KH&CN	Khoa học và công nghệ
12	KT-XH	Kinh tế - Xã hội
13	LKĐT	Lĩnh kiện điện tử
14	NB-LC	Nội bài – Lào Cai
15	NSNN	Ngân sách nhà nước
16	ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức (Official Development Assistance)
17	PPP	Sức mua tương đương (Purchasing Power Parity)
18	SXCN	Sản xuất công nghệ
9	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
20	UBND	Ủy ban nhân dân
21	VLXD	Vật liệu xây dựng
22	XTĐT	Xúc tiến đầu tị
23	WTO	Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organization)
24	FDI	Đầu tị trực tiếp nước ngoài (Foreign Direct Investment)

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài luận

Một nền kinh tế muốn phát triển, tăng trưởng nhanh và bền vững trước hết phải đảm bảo đủ nhu cầu về vốn đầu tư. Muốn có đầu tư lớn và dài hạn đòi hỏi phải gia tăng tiết kiệm trong nước cũng như tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Với các quốc gia đang phát triển, khi nguồn vốn đầu tư trong nước còn khan hiếm chưa đủ đáp ứng nhu cầu về vốn thì việc tiếp nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) càng trở nên cần thiết mang lại những lợi ích to lớn cho quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao mức thu nhập và đời sống của dân cư. Với những ưu điểm nổi bật của mình, việc thu hút FDI đã và đang trở thành chiến lược phát triển kinh tế của mỗi quốc gia.

Trên thế giới cũng như trong khu vực đã và đang áp dụng nhiều hình thức thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Trong đó, mô hình khu công nghiệp tập trung được thừa nhận là có hiệu quả và đang được áp dụng rộng rãi. Ngoài khả năng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, mô hình này còn là giải pháp quan trọng về công nghệ, kinh nghiệm quản lý để thực hiện CNH- HĐH đất nước.

Một trong những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta nhằm thực hiện được mục tiêu trên là phải thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước vào các KCN góp phần xây dựng cho bằng được nền tảng của một nước công nghiệp. Phát triển KCN đã mang lại bước phát triển mới vượt bậc của của công nghiệp nước ta, tăng khả năng thu hút đầu tư, đẩy mạnh sản xuất tăng nguồn hàng xuất khẩu, tạo việc làm và từng bước phát triển công nghiệp theo quy hoạch, tránh tự phát, phân tán, tiết kiệm đất, sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư phát triển hạ tầng, hạn chế ô nhiễm do chất thải công nghiệp gây ra, làm cơ sở cho phát triển các khu đô thị công nghiệp, phân bố hợp lý lực lượng sản xuất và đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện đường lối phát triển của Đảng và Nhà nước.

Vĩnh Phúc là một tỉnh trung du miền núi, cửa ngõ phía Tây Bắc của thủ đô Hà Nội. Thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, tỉnh Vĩnh Phúc đã chọn quy hoạch và phát triển KCN là mô hình phát triển trọng điểm kinh tế của địa phương và đã có nhiều chủ trương, cơ chế chính sách thu hút đầu tư thông thoáng, cởi mở. Đặc biệt trong những năm trở lại đây, tỉnh đã có những chính sách và cơ chế để hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư. Nhờ vậy mà trong những năm gần đây có rất nhiều các nhà đầu tư lớn đã tìm hiểu và đầu tư vào tỉnh cụ thể các nhà đầu tư lớn trong nước như (FLC; Vingroup;

Sông hồng thủ đô, Thép Việt Đức;..) và nhiều các tập đoàn toàn cầu nhỏ (Toyota, Honda, Sumitomo (Nhật Bản); Piaggio (Italia); DeHeus (Hà Lan); Dewoo, Patron, Hea sung Vina, Cammas (Hàn Quốc); Prime Group (Thái Lan); Welder (Hoa Kỳ);...Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc đã góp phần tích cực vào sự nghiệp CNH, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng trưởng công nghiệp và phát triển KT-XH của tỉnh này.

Đối với Vĩnh Phúc trong những năm gần đây, có thể thấy bộ mặt kinh tế của tỉnh đã có những bước thay đổi và nhảy vọt đáng kể, đó là sự tăng trưởng GDP, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và sự phát triển CSHT những điều này đã nâng cao các phúc lợi cho người dân ở nơi đây. Trong đó, nguồn vốn FDI đã góp phần quan trọng cho sự phát triển KT-XH của tỉnh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực việc thu hút và sử dụng vốn FDI trong thời gian qua cũng bộc lộ nhiều hạn chế mà một phần nguyên nhân chính sự quản lý, điều hành của Nhà nước. Vậy nên, để sớm trở thành tỉnh công nghiệp, cùng cả nước vững bước tiến lên trong thời kỳ CNH, HĐH, Vĩnh Phúc cần phải xem xét lại toàn bộ công tác phát triển thu hút đầu tư vào các KCN trên địa bàn trong thời gian gần đây để tìm ra những nguyên nhân yếu kém rồi dựa trên cơ sở đó có những giải pháp phù hợp nhằm làm tốt hơn nữa công tác phát triển và thu hút đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh.

Nhận thức được tầm quan trọng của FDI đối với tỉnh Vĩnh Phúc, em quyết định chọn đề tài “Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc” làm đề tài nghiên cứu khóa luận tốt nghiệp.

2. Tổng quan các công trình nghiên cứu có liên quan

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) không chỉ là nguồn lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế mà còn là nhân tố có tác động lan tỏa đến rất nhiều khu vực khác. Bởi vậy nên có rất nhiều các nghiên cứu liên quan đến FDI. Thông qua việc tìm hiểu tài liệu có một số công trình nghiên cứu có liên quan như:

(1)Phạm Thị Thúy (2018) “*Nghiên cứu hiệu quả kinh tế- xã hội đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*”, Luận án tiến sĩ ngành Quản lý kinh tế - Đại học Mỏ - Địa chất. Dựa trên phương pháp thống kê, phân tích, so sánh, tổng hợp và nghiên cứu, luận án đã đánh giá thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Vĩnh

Phúc. Làm rõ được những kết quả đạt được, những hạn chế trong việc thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và làm rõ những nguyên nhân gây ra những hạn chế đó. Từ đó đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh.

(2) Nguyễn Ngọc Lợi – Trưởng phòng kinh tế đối ngoại tỉnh Vĩnh Phúc; Phạm Quang Thắng – Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (2019) “*Nghiên*

cứu, đề xuất các giải pháp thu hút đầu tư trực tiếp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”, nghiên cứu khóa học – Sở KH&ĐT tỉnh Vĩnh Phúc. Bài nghiên cứu đã đánh giá thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc (2010-2018) và đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp trong nước và đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Vĩnh Phúc trong giai đoạn (2020-2025).

(3) Đặng Thị Mơ (2018) *“Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”* Luận văn thạc sĩ Quản trị kinh doanh – Đại học Đông Đô. Đề tài nghiên cứu đã trình bày thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc rồi từ đó đưa ra các giải pháp thu hút nguồn vốn đầu tư vào ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh.

(4) Nguyễn Xuân Long (2019) *“Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc”* Luận văn Thạc sĩ theo định hướng ứng dụng – Đại học Thái Nguyên. Luận văn đưa ra các cơ sở lý luận và thực tiễn về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào KCN và phân tích thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc từ đó đưa ra các giải pháp tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN.

(5) Phùng Xuân Nhạ (2013) *“Đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam”* Lý luận và thực tiễn - Đại học quốc gia Hà Nội. Cuốn sách đã đề cập tới khái niệm, hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài, bao gồm các lý thuyết truyền thống và các lý thuyết mới về quốc tế hóa sản xuất, phân tích các yếu tố ảnh hưởng tới FDI, các chính sách, biện pháp thu hút FDI tại Việt Nam. Qua phân tích thực trạng thu hút FDI của Việt Nam giai đoạn 1988-2011, trong cuốn sách đã trình bày những tác động của FDI tới sự phát triển của Việt Nam, biểu hiện thông qua những tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế, bổ sung vốn đầu tư và cán cân thanh toán quốc tế, chuyển giao và phát triển công nghệ, phát triển nguồn nhân lực và tạo việc làm, thúc đẩy xuất khẩu, liên kết các ngành công nghiệp, các tác động khác, các tác động đặc biệt và tác động tới chủ quyền quốc gia. Trong phân tích về tác động của FDI, cuốn sách cũng đồng thời chỉ ra một số các ảnh hưởng không mong muốn như gia tăng tính phụ thuộc kinh tế vào FDI, ảnh hưởng xấu tới môi trường sinh thái do sử dụng công nghệ lạc hậu, dẫn tới hình thành độc quyền, ngăn cản cạnh tranh, làm tăng khoảng cách giàu nghèo,...

3. Đối tượng, mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu của đề tài là hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp (gồm các KCN: Khai Quang, Bình Xuyên; Bá Thiện II; Bình Xuyên II; Thăng Long Vĩnh Phúc).

- Mục tiêu nghiên cứu: Phân tích thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN, đánh giá những thành công đạt được, những hạn chế và nguyên nhân rồi từ đó đề xuất các giải pháp nhằm tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong thời gian tới.

- Nhiệm vụ nghiên cứu: Để hoàn thành mục tiêu trên, bài luận văn cần thực hiện những nhiệm vụ dưới đây:

Thứ nhất, hệ thống hóa lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài, KCN, thu hút và triển khai các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào KCN.

Thứ hai, phân tích đánh giá thực trạng hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc từ đó làm rõ những nguyên nhân dẫn đến những hạn chế tồn tại trong hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh.

Và cuối cùng, đưa ra các định hướng và đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút FDI vào các KCN trong thời gian tới.

4. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: đánh giá hiệu quả thu hút FDI vào một số các KCN lớn trên địa bàn tỉnh, đưa ra một số các giải pháp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI

- Về không gian: Luận văn tập trung nghiên cứu thu hút FDI vào một số các KCN lớn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

- Về thời gian: Số liệu thu thập và phân tích của Ban quản lý KCN tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn (2018 – quý III/2021) và tầm nhìn 2030.

5. Phương pháp nghiên cứu

Bài khóa luận sử dụng phương pháp nghiên cứu truyền thống của khoa học kinh tế, là phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, kết hợp giữa logic và lịch sử, phân

tích và tổng hợp. Phương pháp này được áp dụng vào Chương I: Cơ sở lý luận về FDI và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Ngoài ra, bài khóa luận còn sử dụng các phương pháp thống kê, so sánh định lượng nhằm tạo ra một phương pháp tiếp cận phù hợp với đối tượng và mục tiêu nghiên cứu. Phương pháp này được áp dụng chủ yếu ở trong nội dung của Chương II: Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Bên cạnh đó, đề tài sử dụng hai phương pháp thực tế là phương pháp thu thập dữ liệu và phương pháp xử lý dữ liệu.

6. Kết cấu khóa luận

Ngoài phần tóm lược, mục lục, danh mục từ viết tắt, danh mục bảng biểu, lời cảm ơn, mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, bài khóa luận được kết cấu thành 3 chương như sau:

Chương I: Cơ sở lý luận về FDI và thu hút FDI vào các KCN

Chương II: Thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2018- quý II/2021

Chương III: Định hướng và một số giải pháp nhằm thu hút FDI vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

CHƯƠNG I: MỘT SỐ CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ THU HÚT TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1.1. Bản chất và vai trò của thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn cấp tỉnh

1.1.1. Một số khái niệm liên quan đến thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN

a) Khái niệm khu công nghiệp

Theo Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ, KCN được định nghĩa: “Khu công nghiệp được hiểu là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, được thành lập theo điều kiện, trình tự và thủ tục quy định”.

Theo điều 3, khoản 20, Luật Đầu tư 2005, “Khu công nghiệp là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ”.

Từ đó ta có thể hiểu: “KCN là khu vực có ranh giới địa lý xác định, chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp và thực hiện dịch vụ cho sản xuất công nghiệp. Trong đó, các doanh nghiệp là đơn vị đóng vai trò chủ đạo trung tâm thực hiện nhiệm vụ sản xuất công nghiệp và dịch vụ phục vụ cho sản xuất công nghiệp”.

b) Khái niệm về đầu tư trực tiếp nước ngoài

Cùng với xu hướng toàn cầu hóa, dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã và đang ngày càng trở nên phổ biến trên thế giới. Theo đó đã có nhiều quan điểm đưa ra nhằm định nghĩa cho hành vi này:

Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), 1993: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là hoạt động đầu tư được thực hiện nhằm thiết lập các mối quan hệ kinh tế lâu dài với một doanh nghiệp hoạt động trên lãnh thổ của một nền kinh tế khác nền kinh tế nước chủ đầu tư, mục đích của chủ đầu tư là giành quyền quản lý thực sự doanh nghiệp”. Định nghĩa này nhấn mạnh đến khía cạnh hoạt động đầu tư của FDI.

Theo Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương Mại và Phát triển (UNCTAD): “FDI bao gồm vốn được cung cấp (trực tiếp hoặc thông qua các công ty liên quan khác) bởi nhà Đầu tư nước ngoài cho các doanh nghiệp hoặc vốn mà nhà Đầu tư nước ngoài nhận

đọc từ doanh nghiệp mà họ đầu tư ở nước ngoài”. Định nghĩa này nhấn mạnh đến khía cạnh vốn đầu tư ở nước ngoài của FDI.

Theo quan điểm của Hoa Kỳ - một trong những nước tiên hành đầu tư và tiếp nhận đầu tư lớn nhất thế giới cho rằng: “FDI là bất kì dòng vốn nào thuộc sở hữu đa phần của công dân hoặc công ty của nước đi đầu tư có được từ việc cho vay hoặc dùng để mua sở hữu của DN nước ngoài”.

Theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2005, tại điều 2 có nêu: “Đầu tư trực tiếp là hình thức đầu tư đó nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư; Đầu tư nước ngoài là việc nhà đầu tư nước ngoài đưa vào Việt Nam vốn bằng tiền và các tài sản hợp pháp khác để tiến hành các hoạt động đầu tư.”

Từ những khái niệm nêu trên, ta có thể hiểu một cách khái quát về FDI như sau: “Đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tại một quốc gia là việc nhà đầu tư ở một nước khác đưa vốn bằng tiền hoặc bất kì tài sản nào vào quốc gia đó để được quyền sở hữu và quản lý hay quyền kiểm soát một thực thể kinh tế tại quốc gia đó với mục tiêu tối đa hóa lợi ích của mình. Hoạt động FDI được thông qua được gọi là dự án FDI.”

c) Khái niệm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN

Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN là một hình thức đầu tư, trong đó nhà đầu tư nước ngoài đầu tư toàn bộ hay một phần vốn đầu tư đủ lớn nhằm giành quyền quản lý, kiểm soát hoặc tham gia quản lý kiểm soát doanh nghiệp ở nước chủ nhà, mà các doanh nghiệp này là trung tâm thực hiện nhiệm vụ sản xuất công nghệ và dịch vụ phục vụ cho sản xuất công nghiệp, nằm trong KCN khu vực có danh giới địa lý xác định. Trong đó, nước kêu gọi đầu tư sử dụng các cách thức, biện pháp, chính sách để nước ngoài đầu tư vào nước mình.

Chúng ta có thể hiểu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là quá trình thực hiện đồng bộ các biện pháp, chính sách các cơ quan chức năng nhằm tạo nên một môi trường kinh doanh có tính hấp dẫn đối với nhà đầu tư nước ngoài, từ đó thúc đẩy hoạt động đầu tư của các nhà đầu tư vào các KCN thông qua các hình thức đầu tư một phần hay toàn bộ vốn đầu tư đủ lớn nhằm giành quyền quản lý, kiểm soát hoặc tham gia quản lý, kiểm soát doanh nghiệp ở nước chủ nhà.

1.1.2. Đặc điểm của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN

- Thứ nhất, mục đích hàng đầu của FDI là tìm kiếm lợi nhuận, hoạt động kinh doanh đạt được lợi nhuận cao nhất có thể. Trong khi các hình thức đầu tư gián tiếp thu được lợi tức tài chính ổn định, nguồn thu của nhà đầu tư hoàn toàn phụ thuộc vào kết quả kinh

doanh của doanh nghiệp mà họ đầu tư vốn, vì vậy thu nhập mà chủ đầu tư nhận được là thu nhập từ kinh doanh và kém ổn định hơn. Xét về mặt tích cực, nhà đầu tư được tự chủ

hoàn toàn trong hoạt động kinh doanh của mình, toàn quyền ra quyết định về tài chính và chịu trách nhiệm lãi, lỗ với khoản đầu tư. Đó chính là động lực thúc đẩy các nhà đầu tư tập trung đưa ra những quyết định phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và cũng là lý do các dự án FDI thường đạt được hiệu quả kinh doanh cao hơn so với các hình thức đầu tư khác.

- Thứ hai, FDI không để lại gánh nặng nợ nần cho Chính phủ nước tiếp nhận đầu tư.

Khi thực hiện hình thức FDI, các nhà đầu tư nước ngoài tự bỏ vốn ra kinh doanh, trực tiếp điều hành sản xuất kinh doanh, làm ăn lâu dài ở nước sở tại, hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về kết quả đầu tư. Nước tiếp nhận FDI không phải chịu những điều kiện ràng buộc kèm theo của người cung ứng vốn như tiếp nhận ODA hay các hình thức đầu tư nước ngoài khác như vay thương mại, viện trợ không hoàn lại,... Do vậy, FDI là hình thức thu hút và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài tương đối ít rủi ro cho nước tiếp nhận đầu tư. Đây là điều mà nhiều nước đang phát triển và chậm phát triển rất quan tâm vì khả năng trả nợ của họ thường là yếu kém.

- Thứ ba, FDI không đơn thuần chỉ là vốn mà kèm theo đó là công nghệ kỹ thuật, phương thức quản lý tiên tiến, cho phép tạo ra những sản phẩm mới mở ra thị trường cho nước tiếp nhận đầu tư. Đây là điểm hấp dẫn quan trọng của FDI. Các nước đang phát triển thường có trình độ KH&CN thấp, lạc hậu. Để rút ngắn khoảng cách và đuổi kịp các nước công nghệ phát triển thì những nước này cần nhanh chóng tiếp cận với các kỹ thuật mới, tiên tiến. Tùy theo hoàn cảnh cụ thể của mình, mỗi nước có cách đi riêng để nâng cao trình độ công nghệ của mình, thông qua FDI là cách tiếp cận nhanh, trực tiếp, thuận lợi. Đồng thời, FDI mang tới cho quốc gia tiếp nhận những công nghệ mới, góp phần tạo lập các lĩnh vực và ngành nghề mới. Sự phát triển của khu vực FDI trong một số ngành, lĩnh vực nhất định sẽ trực tiếp làm thay đổi cơ cấu kinh tế và có tác động lâu dài đến mức độ phát triển của quốc gia tiếp nhận vốn đầu tư.

- Thứ tư, FDI thường đi kèm với việc chuyển giao công nghệ cho quốc gia tiếp nhận đầu tư. Khi thực hiện hoạt động Đầu tư nước ngoài, bên cạnh vốn bằng tiền và các tài sản hữu hình như máy móc, thiết bị, bất động sản..., nhà đầu tư còn mang theo quy trình công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, các phát minh sáng chế, kinh nghiệm và kỹ năng quản lý đến nước chủ nhà. Đây là một trong những điểm trọng yếu mà các nước nơi có địa phương tiếp nhận vốn đầu tư thường hướng tới khi kêu gọi thu hút vốn FDI.

1.1.3. Vai trò của thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN

- *Thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào các KCN có vai trò quan trọng trong quá trình phát triển KT-XH và tạo điều kiện cho KCN có tốc độ phát triển năng động nhất.* FDI góp phần quan trọng hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hệ thống chính sách, pháp luật về đầu tư kinh doanh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu, tăng nguồn thu ngân sách, tạo việc làm, chuyển dịch cơ cấu lao động, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp; thúc đẩy chuyển giao công nghệ... Bên cạnh đó, FDI tác động tích cực với sự phát triển của khu vực tư nhân trong nước từ đó nâng cao thế và lực của Việt Nam.

- *Thu hút vốn đầu tư FDI vào các KCN giúp phát triển toàn xã hội và là động lực tăng trưởng kinh tế.* Số liệu tính đến năm 2018, các ngành nghề thu hút FDI cao là công nghệ (69,4%) tổng vốn đầu tư đăng ký, dịch vụ là 29,6% và nông – lâm – ngư nghiệp là 1%. Đặc biệt, khu vực doanh nghiệp FDI đang giữ vai trò chủ đạo trong xuất khẩu của Việt Nam trong suốt thời gian qua liên tục đạt cao gấp 2-3 lần khu vực doanh nghiệp trong nước. (Văn Thị Thái Thu, 2019)

- *Thu hút vốn FDI vào KCN làm thay đổi cơ cấu kinh tế và đẩy nhanh quá trình CNH – HĐH ở các địa phương.* Điển hình tại Bình Dương, sau hơn 20 năm tái lập, tăng trưởng kinh tế của tỉnh là 14,5% trong đó nguồn vốn FDI đóng góp vị trí quan trọng. Tính lũy kế đến nay, toàn tỉnh Bình Dương có 4011 dự án FDI với tổng số vốn đăng ký là 37 tỷ USD. Năm 2018, DN FDI đóng góp 49.6% tổng vốn đầu tư KT – XH của tỉnh, 20% thu ngân sách của địa phương (Trịnh Bình, 2019)

- *Thu hút FDI vào các KCN đã góp phần quan trọng trong vấn đề giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho người lao động.* Đánh giá về 30 năm thu hút FDI, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) Vũ Đại Thắng cho rằng, khu vực FDI đã tạo việc làm và thu nhập ổn định cho một bộ phận không nhỏ lao động. Theo kết quả Tổng điều tra lao động việc làm năm 2017 của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ KH&ĐT, nếu năm 1995 cả nước mới có khoảng 330 nghìn lao động làm việc trong doanh nghiệp FDI, thì năm 2007 đã tăng lên khoảng 1,5 triệu người và đến cuối năm 2017 tăng lên gần 4 triệu lao động (chiếm 26% tổng số lao động khu vực DN). Mặc dù không tạo ra nhiều việc làm so với khu vực trong nước (chỉ chiếm khoảng 5% tổng lao động đang làm việc), nhưng tốc độ tăng của lao động khu vực FDI khá cao, đạt bình quân 7,6%/năm giai đoạn 2005 - 2017,

cao gấp gần 4 lần tăng trưởng lao động của nền kinh tế. Ngoài lao động trực tiếp, DN FDI còn gián tiếp tạo ra rất nhiều việc làm, đạt khoảng 5 - 6 triệu lao động gián tiếp.

1.2. Mục tiêu, yêu cầu và nội dung thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn cấp tỉnh

1.2.1. Mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Khuyến khích mạnh mẽ việc thu hút FDI vào các ngành sản xuất hàng xuất khẩu, công nghiệp chế biến, các dự án ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, viễn thông, tạo thêm nhiều việc làm, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Xây dựng KCN trở thành lực lượng công nghiệp mạnh, có hiệu quả và sức cạnh tranh, phát triển theo hướng ngoại, nâng cao tay nghề công nhân, nắm bắt và tận dụng được nhiều thành tựu mới nhất của KH&CN, thực hiện bảo vệ môi trường sản xuất, kinh doanh thị trường ngoài doanh nghiệp.
- Tập trung thu hút FDI vào các KCN tập trung đã hình thành theo quy hoạch được phê duyệt.
- Chuyển dần từ công nghệ gia công sang công nghiệp chế biến các nguyên liệu trong nước có sẵn và công nghiệp chế tạo nhằm nâng cao giá trị hàm lượng quốc gia của sản phẩm, hạn chế thua thiệt nhờ hội nhập thị trường quốc tế và khu vực.

1.2.2. Yêu cầu trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN

Thứ nhất, thu hút đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu về môi trường. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và Chủ tịch UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quán triệt, thực hiện nghiêm Nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ môi trường. Thu hút đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Thu hút đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường; không cho phép đầu tư vào các loại hình sản xuất, sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm. Các địa phương khẩn trương ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết chuyên đề, chương trình, kế hoạch hành động về bảo vệ môi trường.

Thứ hai, phải đảm bảo phát triển bền vững phù hợp với kinh tế địa phương. Một trong những mục tiêu quan trọng hàng đầu trong phát triển KT-XH của các tỉnh đó là thu hút các nhà đầu tư để góp phần chuyển dịch cơ cấu địa phương, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên các dự án thu hút đầu tư vào các tỉnh phải đảm bảo phù hợp với tình hình KT-XH của địa phương đó.

Thứ ba, phải phù hợp với phân cấp trong thu hút. Chẳng hạn như các dự án đầu tư

ở cấp địa phương thì chỉ được phép dừng lại ở cấp địa phương. Bên cạnh đó, địa phương chỉ được ban hành những văn bản mà mình được phép ban hành chứ không được vượt cấp, vượt quyền.

1.2.3. Nội dung thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN

a) Công tác quy hoạch, định hướng phát triển các KCN

Quy hoạch là dự báo, hoạch định phát triển trong tương lai. Quy hoạch chính là công cụ giúp cho các nhà lãnh đạo thực hiện được các định hướng phát triển KT –XH của địa phương trong thời gian nhất định.

Quy hoạch các KCN cần đáp ứng nhu cầu của người dân ở địa phương; nhu cầu của doanh nghiệp về một địa phương vận hành hiệu quả; nhu cầu của xã hội về việc bảo tồn bản sắc đô thị, không gian công cộng và các di sản văn hóa và nhu cầu của thế hệ trẻ về một địa phương có môi trường bền vững. Điều này đặt ra thách thức cho hệ thống và duy trì quy hoạch hiện hành, đòi hỏi các nhà quản lý, các chuyên gia quy hoạch nhận biết sâu sắc hơn về các vấn đề đô thị, cùng tìm ra các giải pháp để địa phương phát triển bền vững.

b) Ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư

Là việc các cơ quan chức năng đưa ra danh sách tên các dự án muốn kêu gọi đầu tư theo ngành hoặc nhóm ngành kinh tế và quy định cụ thể về một số chỉ tiêu như: quy hoạch kiến trúc, đất đai, vốn, hình thức đầu tư, địa điểm xây dựng... được công bố rộng rãi cho mọi người, mọi đối tượng được biết đến để lựa chọn đầu tư. Căn cứ vào danh mục đầu tư, các chủ đầu tư sẽ có định hướng rõ ràng đối với hoạt động đầu tư của mình trong thời gian tới. Qua đó cũng là công cụ để các nhà lãnh đạo kiểm soát được các loại hình đầu tư vào địa phương mình.

c) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng KCN

Là đầu tư, xây dựng các hệ thống như giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc... đến hàng rào các KCN và đến hàng rào các dự án đầu tư. Cơ sở hạ tầng tốt đồng bộ sẽ làm giảm chi phí đầu tư, tăng khả năng cạnh tranh, mang lại lợi nhuận cao.

d) Ban hành cơ chế chính sách thu hút FDI vào các KCN

Chính sách liên quan đến cơ cấu ngành kinh tế tại địa phương: Các địa phương căn cứ vào tình hình thực tế và định hướng chung để từ đó khuyến khích phát triển ngành nào và hạn chế ngành nào, vùng nào cần thu hút, đây chính là căn cứ để nhà đầu tư nước ngoài lựa chọn ngành, vùng để đầu tư.

Chính sách về hình thức đầu tư, góp vốn: Trong quá trình đầu tư, việc cho phép các nhà đầu tư được chuyển đổi hình thức đầu tư một cách linh hoạt sẽ tạo thêm tính hấp dẫn trong tìm kiếm cơ hội đầu tư.

Chính sách về thuế, phí, lệ phí: Địa phương cần đưa ra những ọu đãi nhất định về thuế, phí, lệ phí nhằm tạo ra cơ hội thu hút đầu tọj nọj ọu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp; ọu đãi về phí và các loại lệ phí trong quá trình kinh doanh tại địa phương; miễn thuế đối với một số máy móc thiết bị nhất định.

Chính sách về đất đai: Cần tạo ra những phân đất sạch, thuận lợi ở nhiều vị trí làm cơ sở để thu hút nhà đầu tọj nọj ọu đãi. Ngoài ra, các thủ tục liên quan đến việc cấp đất, cấp giấy phép xây dựng phải nhanh chóng thuận tiện, chính sách đền bù giải phóng mặt bằng phải nhất quán và phù hợp với thực trạng đất, giá thuê đất ở mức thấp nhất theo khung quy định.

Chính sách về hỗ trợ đầu tọj: Đây là một trong những biện pháp nhằm thu hút FDI vào các địa phương. Việc ban hành các chính sách hỗ trợ phải phù hợp với các quy định chung và không trái với quy định pháp luật.

Chính sách về thủ tục hành chính: Để thu hút FDI vào các KCN các địa phương phải cải cách thủ tục hành chính theo hướng một cửa, một đầu mối. Tăng cường phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nọj của trung ọj trong các hoạt động liên quan đến đầu tọj nọj ọu đãi, phân rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng đơn vị trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh.

e) Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư

Xúc tiến đầu tọj là sử dụng các biện pháp: tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu, tiếp cận, môi giới trung gian... bằng nhiều hình thức nọj: ấn phẩm, hội nghị, hội thảo, truyền tin, truyền hình tổ chức gặp gỡ, qua kênh thông tin điện tử... để các nhà đầu tọj có cơ hội nắm bắt thông tin hiểu rõ về thông tin để có sự lựa chọn và đưa ra quyết định đầu tọj.

1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tọj trực tiếp nọj ọu đãi và các KCN trên địa bàn cấp tỉnh

1.3.1. Các yếu tố bên ngoài KCN

- Hệ thống chính trị: Đây là yếu tố đầu tiên mà các nhà đầu tọj nọj ọu đãi phải xem xét trước khi quyết định đầu tọj vào một hay một địa phương nào đó. Nếu chính trị ổn định sẽ khuyến khích đầu tọj trực tiếp nọj ọu đãi và ngược lại.

- Chính sách phát triển và hệ thống luật có liên quan đến đầu tọj trực tiếp nọj ọu đãi: Các chính sách kinh tế có ảnh hưởng lớn nhất tới đầu tọj trực tiếp nọj ọu đãi là

các chính sách kinh tế trực tiếp liên quan đến đầu tư như các quy định về chuyên lợi nhuận, chính sách tài chính, tiền tệ...

- Quyết định của nhà đầu tư: Nhà đầu tư vào những hoạt động sản xuất kinh doanh mà họ cảm thấy được thuận lợi và tiến triển theo mong muốn. Hiệu quả trong hoạt động

đầu tư cũng thể hiện được mức độ quyết định đầu tư của nhà đầu tư.

- Vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên của địa phương: Vị trí địa lý và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng lớn tới sự hình thành và phát triển của các KCN. Bởi KCN là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp nên một địa bàn được cho là có lợi thế để thu hút vốn đầu tư trực tiếp nếu nơi đó có vị trí địa lý thuận lợi (thuận tiện giao thông để vận chuyển hàng hóa đi khắp nơi trên thế giới) và có tài nguyên thiên nhiên ọu đãi (những nguyên vật liệu có thể làm đầu vào cho các ngành sản xuất công nghiệp).

- Chế độ chính sách đầu tư: Chính sách đầu tư thể hiện qua chính sách chính quyền địa phương về ọu đãi đối với đầu tư; tính năng động của chính quyền trong hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư về thủ tục hành chính, pháp lý, thuế,...

- Nguồn lao động của địa phương: Đội ngũ nhân lực có tay nghề cao là điều kiện rất quan trọng để địa phương vượt qua được những hạn chế về nguồn tài nguyên thiên nhiên và trở nên hấp dẫn các nhà đầu tư. Việc thiếu các nhân lực kỹ thuật ngành nghề, các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý cao cấp, các nhà doanh nghiệp tài ba sẽ khó lòng đáp ứng được các yêu cầu của nhà đầu tư để họ có thể triển khai các dự án, làm chậm và thu hẹp lại dòng vốn đầu tư chảy vào địa phương.

1.3.2. Các nhân tố bên trong khu công nghiệp

- Vấn đề về quy hoạch khu công nghiệp: Công tác quy hoạch có ảnh hưởng rất lớn tới việc thu hút vốn đầu tư vào các KCN. Địa phương phải dựa trên lợi thế riêng vốn có của mình để xây dựng quy hoạch các KCN sao cho hợp lý. Để giải quyết tối ọu bài toán quy hoạch, khi xây dựng phải xem xét đầy đủ các yếu tố nhỏ (vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, nguồn lực vật chất, tài nguyên, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực...)

- Về giải phóng mặt bằng KCN: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng để xây dựng và hoàn thiện CSHT trong KCN vẫn đang là vấn đề nổi cộm hiện nay và nó đã gây không ít khó khăn cho các nhà đầu tư trong việc xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Công tác giải phóng mặt bằng sẽ gặp nhiều khó khăn khi các thủ tục hành chính còn nhiều phức tạp, nặng nề, qua nhiều khâu và chưa được giải quyết một cách dứt điểm.

- Hạ tầng trong khu công nghiệp: Việc đầu tư hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong KCN không những thu hút các dự án đầu tư mới mà còn tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quy mô để tăng năng lực sản xuất và cạnh tranh. Hạ tầng KCN được xây

dụng đầy đủ bao gồm: hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện – nước; hệ thống thoát nước và xử lý nước thải; hệ thống thông tin liên lạc; kho ngoại quan và các tiện ích công cộng khác trong KCN như (ngân hàng, bảo hiểm, trạm phòng cháy chữa cháy, trạm y tế, trung tâm kho vận, trạm biến áp, trạm xử lý vật phế thải công nghiệp, nhà ăn cho công nhân, hồ bơi, sân tennis... Hạ tầng KCN hoàn chỉnh sẽ tạo sự thuận lợi cho các nhà

đầu tư và giúp họ dễ dàng đưa ra quyết định đầu tư.

- Hệ thống dịch vụ trong khu công nghiệp: Việc cung cấp một hệ thống dịch vụ hỗ trợ hoàn hảo trong thời gian ngắn nhất với chi phí hợp lý nhất để hỗ trợ doanh nghiệp trong các KCN là một trong những tiêu chí quan trọng nhằm tăng sức hấp dẫn, sức cạnh tranh cũng như hiệu quả hoạt động cho các KCN. Hệ thống dịch vụ hỗ trợ gồm các nội dung công việc như: tư vấn thành lập doanh nghiệp và các thủ tục xin cấp giấy phép đầu tư; dịch vụ kho tàng chứa trữ hàng hóa; dịch vụ bảo hiểm, thủ tục hải quan xuất nhập khẩu; dịch vụ hỗ trợ tuyển dụng công nhân; dịch vụ giới thiệu đối tác đầu tư; dịch vụ công nghệ thông tin; dịch vụ môi trường; dịch vụ nhà hàng; dịch vụ khu nhà ở cho các chuyên gia và công nhân thuê; dịch vụ hỗ trợ tài chính cho các nhà đầu tư thực hiện dự án bằng cách liên kết với các ngân hàng thương mại...

- Chính sách thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp: Khi đưa ra quyết định đầu tư, các nhà đầu tư thường phải giải bài toán sao cho chi phí mà họ bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận mà họ mang lại phải là cao nhất. Để hấp dẫn các nhà đầu tư, địa phương cần phải đưa ra các chính sách hỗ trợ như:

+ Về chính sách đất đai: giá thuê đất hàng năm cần ổn định hơn, miễn nộp tiền thuê đất một số năm đầu tiên của một số dự án tùy theo địa bàn đầu tư, ngành nghề và lĩnh vực đầu tư...

+ Về chính sách thuế: các ưu đãi thuế suất thu nhập doanh nghiệp và thuế xuất nhập khẩu tùy theo ngành nghề và địa bàn đầu tư mà dự án đầu tư sẽ được hưởng các mức ưu đãi khác nhau.

+ Chính sách tín dụng đầu tư: ưu tiên cho vay vốn để đầu tư hoặc hỗ trợ lãi suất đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ vốn tín dụng đầu tư của nhà nước...

1.4. Kinh nghiệm thu hút FDI vào các KCN của một số địa phương

1.4.1. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp vào KCN của tỉnh Bắc Ninh

Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm của Bắc bộ, những năm qua tỉnh Bắc Ninh đã trở thành điểm đến của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Năm 2020 vừa qua, nhiều địa phương trên cả nước gặp khó khăn trong thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) do đại dịch

Covid- 19. Tuy nhiên, với nhiều thuận lợi cũng những chính sách thu hút đầu tư thông thoáng, tỉnh Bắc Ninh vẫn ghi dấu đầy ấn tượng khi thu hút nguồn vốn FDI lên tới gần 700 triệu USD, trở thành điểm sáng của Việt Nam trong thu hút vốn đầu tư. Để nâng cao chất lượng dòng vốn FDI, tỉnh Bắc Ninh đang tập chung chuyển hướng mạnh mẽ sang thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, sử dụng ít đất và lao động. Hiện tỷ trọng sản phẩm công nghệ cao tỉnh Bắc Ninh đã tăng từ 61,7% năm 2015 lên 86% năm 2020.

Trong thời gian qua tỉnh đã thu hút được nhiều kết quả tích cực trong thu hút vốn FDI. Trong nhiệm kỳ 2015-2020 thu hút đầu tư nước ngoài của Bắc Ninh có bước đột phá với số vốn 11,3 tỷ USD, chiếm 57,5% lũy kế vốn đầu tư nước ngoài toàn tỉnh từ trước đến nay, với các tập đoàn kinh tế lớn, có uy tín và thương hiệu nổi tiếng toàn cầu như

Samsung, Pepsico, Foxconn, Hanwha... Nhờ đầu tư, quy mô kinh tế của tỉnh năm 2020 ước gấp 1,5 lần năm 2015; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; sản xuất công nghiệp phát triển mạnh, đứng đầu toàn quốc về quy mô; thu ngân sách tăng nhanh; tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khởi công và hoàn thành nhiều công trình có tính liên kết không gian vùng, tạo động lực Bắc Ninh là cực tăng trưởng vùng Thủ đô. Hầu hết các dự án FDI ở Bắc Ninh tập trung vào 14 ngành, lĩnh vực. Trong đó, đầu tư ngành công nghiệp chế biến chế tạo chiếm 93,5%, ngành bất động sản chiếm 3,7%, ngành vận tải kho bãi chiếm 1,3%...

Để tạo sức hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư, tỉnh Bắc Ninh đã chú trọng và tập trung cải thiện môi trường đầu tư, tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, dịch vụ ngoài hàng rào các khu công nghiệp (KCN), cụm công nghiệp; tăng tính ổn định của việc cung cấp điện, nước, viễn thông, hạ tầng giao thông. Tỉnh cũng nhất quán với quan điểm thu hút đầu tư có chọn lọc, theo định hướng "2 ít, 3 cao": ưu tiên các dự án sử dụng ít đất, ít lao động, suất vốn đầu tư cao, đóng góp ngân sách cao và hàm lượng công nghệ cao. Bên cạnh đó, UBND tỉnh Bắc Ninh cũng tiếp tục quan tâm, đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới môi trường đầu tư nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu của nhà đầu tư, tạo điều kiện thu hút các dự án lớn, có sức lan tỏa phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Trong năm 2021 tỉnh Bắc Ninh sẽ tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và các hoạt động sản xuất kinh doanh nhất là trong việc tiếp

cận nguồn vốn, tín dụng, tài chính, thuế, phí, thương mại, thanh toán điện tử, thủ tục hành chính... Ban hành các chính sách đặc thù hỗ trợ phù hợp với các nhóm ngành chịu ảnh

họng lớn và các doanh nghiệp sản xuất linh kiện, sản phẩm trung gian trong nước thay thế nhập khẩu. Qua đó, tiếp tục thực hiện có hiệu quả chủ trương thu hút vốn FDI; tạo động lực góp phần sớm đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2022.

1.4.2. Kinh nghiệm thu hút vốn đầu tư trực tiếp vào KCN ở Bình Dương

Trong những năm qua, Bình Dương luôn được đánh giá là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút vốn FDI. Đây chính là nguồn lực quan trọng để Bình Dương có tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm cao gấp 2 lần so với mức tăng trưởng bình quân chung của cả nước. Đặc biệt, với chủ trương thu hút đầu tư nhất quán, xuyên suốt hơn 20 năm qua không ngừng được bổ sung, đổi mới, sáng tạo, Bình Dương đã triển khai thực hiện có hiệu quả chiến lược thu hút FDI thế hệ mới. Trong đó, chú ý ưu tiên những ngành nghề, dự án có công nghệ tiên tiến, có hàm lượng khoa học công nghệ và giá trị gia tăng cao; quản trị hiện đại, có tác động lan tỏa, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Đồng thời, hạn chế tối đa các dự án thâm dụng lao động, sử dụng nhiều nguyên liệu nhập khẩu, tiêu hao nhiều năng lượng, tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường...

Nhờ những chủ trương, định hướng đúng đắn, cách làm sáng tạo, linh hoạt, công tác thu hút đầu tư của tỉnh Bình Dương đã thu được kết quả khá ấn tượng. Theo đó, tính đến tháng 2/2020, Bình Dương có hơn 48.000 doanh nghiệp (DN) trong nước đang hoạt động, với tổng số vốn đăng ký trên 450.000 tỷ đồng. Đáng chú ý, có 66 quốc gia và vùng lãnh thổ đăng ký đầu tư tại Bình Dương với gần 4.000 dự án có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 36 tỷ USD. Đặc biệt, ngày càng có nhiều tập đoàn, công ty xuyên quốc gia có nguồn tài chính lớn và công nghệ hiện đại đến đầu tư vào Bình Dương. Hiện Bình Dương đứng thứ 3 cả nước, sau TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội về thu hút vốn FDI.

Thành phố mới Bình Dương sẽ là một điểm trung tâm để kết nối các phân khu trong vùng đổi mới sáng tạo Bình Dương, cũng như kết nối với các tỉnh thành trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đây được xem là "bàn đạp" giúp Bình Dương xây dựng một môi trường hấp dẫn cho các nhà khởi nghiệp, các công ty công nghệ, tiếp tục tham gia vào các tổ chức kinh tế lớn trên thế giới... Từ đó sẽ nâng cấp nền sản xuất hiện tại, tạo ra các công cụ sản xuất mới và phát triển đồng đều trên tất cả các mặt của đời sống xã hội, dần tăng tỷ trọng kinh tế số.

Năm 2021, Chính quyền tỉnh Bình Dương nhanh chóng thích nghi với đại dịch Covid-19, thực hiện công tác phòng, chống dịch hiệu quả. Các doanh nghiệp nhanh chóng

chuyên đổi qua phương thức xúc tiến thương mại online, ứng dụng chuyên đổi số và công nghệ trong thu hút đầu tư. Thậm chí có những nhà đầu tư nước ngoài trong tình hình dịch bệnh vẫn đến Bình Dương, chấp nhận yêu cầu cách ly y tế theo quy định để tìm hiểu, quyết định đầu tư tại các khu công nghiệp của Bình Dương. Đây là những minh chứng quan trọng cho sự năng động, sáng tạo của lãnh đạo tỉnh, Tổng công ty Becamex IDC, VSIP và các liên doanh trong nỗ lực kêu gọi nhà đầu tư thông qua các hội thảo, sự kiện... cả online và offline.

1.4.3. Bài học kinh nghiệm rút ra cho tỉnh Vĩnh Phúc

- Thực hiện nhất quán đường lối phát triển kinh tế của tỉnh, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, mở cửa thu hút đầu tư, gắn với việc hoàn chỉnh hệ thống luật pháp chính sách của tỉnh, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế. Từ đó sẽ củng cố và gia tăng lòng tin của các nhà đầu tư.
- Đảm bảo sự ổn định về chính trị - xã hội cùng với sự đảm bảo về an ninh của tỉnh sẽ làm cho các nhà đầu tư nhất là các nhà đầu tư quốc tế sẽ cảm thấy đây là môi trường đầu tư an toàn.
- Các hệ thống pháp luật chính sách về đầu tư nhất là đầu tư nước ngoài cần được hoàn chỉnh hơn tạo ra khuôn khổ pháp lý đầy đủ rõ ràng và thông thoáng hơn cho hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài.
- Thực hiện công khai minh bạch, hướng dẫn rõ ràng và thường xuyên cập nhật thông tin trên các lĩnh vực quản lý xây dựng, đất đai, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thành lập doanh nghiệp, bảo vệ môi trường, cấp phép lao động, xuất nhập khẩu, xác nhận hợp đồng thuê đất, bất động sản,... trên trang thông tin điện tử của Ban quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc.
- Tham gia, cung cấp tài liệu, ấn phẩm giới thiệu tổng quát về tỉnh, các KCN trên địa bàn tỉnh, cụm công nghiệp doanh mục dự án kêu gọi đầu tư,... đến các buổi Hội nghị, Hội thảo, buổi làm việc của UBND tỉnh với các Đại sứ quán, lãnh sứ các nước,...
- Hoạt động xúc tiến đầu tư cần được triển khai tích cực ở nhiều ngành, nhiều cấp, ở cả trong nước và nước ngoài dưới nhiều hình thức đa dạng nhằm vào các địa bàn trọng điểm, dự án quan trọng để thu hút mối quan tâm của các tập đoàn, công ty lớn nước ngoài góp phần quảng bá hoạt động đầu tư nước ngoài tại tỉnh.

- Cùng với những chủ trương chính sách của Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, sự thống nhất nhận thức và nhất quán hành động của toàn thể Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh trong quá trình quy hoạch, xây dựng KCN là vô cùng quan trọng.

Và với chính sách thỏa đáng, hợp lý, nó sẽ góp phần đẩy nhanh tiến độ đền bù, giải tỏa để nhanh chóng triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN và kêu gọi đầu tư.

- Quy hoạch hình thành KCN phải dựa trên lợi thế so sánh của vùng, có vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi, gắn với sự phát triển hệ thống giao thông trong và ngoài hàng rào KCN, đầu nối các hạ tầng kỹ thuật, nguồn lao động cung cấp cho KCN.

- Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phải có năng lực tài chính, kinh nghiệm hoạt động sản xuất kinh doanh và kinh nghiệm quản lý, có mối quan hệ khách hàng rộng; đặc biệt là đội ngũ cán bộ kinh doanh phải có sự am hiểu về hoạt động của KCN từ đó có khả năng tiếp xúc, xúc tiến kêu gọi đầu tư vào KCN.

- Thực hiện tốt cơ chế “một cửa”, tăng cường công tác cải cách hành chính; sự quan tâm và thống nhất thực hiện của các sở ban ngành trong tỉnh. Đặc biệt, phải thông suốt, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của các nhà đầu tư trong quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

CHƯƠNG II: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

2.1. Khái quát về đặc điểm điều kiện tự nhiên, kinh tế- xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.1. Vị trí địa lý

Đặc điểm vị trí địa lý Vĩnh Phúc có ba vùng sinh thái rõ rệt: đồng bằng, trung du và miền núi; Vĩnh Phúc nằm trên Quốc lộ số 2, đường sắt Hà Nội - Lào Cai và đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai - Vân Nam (Trung Quốc), là cầu nối giữa vùng Trung du miền núi phía Bắc với Thủ đô Hà Nội; liền kề cảng hàng không quốc tế Nội Bài, qua đường quốc lộ số 5 thông với cảng Hải Phòng và đường 18 thông với cảng nước sâu Cái Lân. Những lợi thế về vị trí địa lý kinh tế đã đưa tỉnh Vĩnh Phúc trở thành một bộ phận cấu thành của vành đai phát triển công nghiệp các tỉnh phía Bắc Việt Nam.



Hình 2. 1. Sơ đồ vị trí tỉnh Vĩnh Phúc

2.1.2. Địa hình

Vĩnh Phúc nằm trong vùng chuyển tiếp giữa vùng gò đồi trung du với vùng đồng bằng Châu thổ Sông Hồng. Bởi vậy, địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam và chia làm 3 vùng sinh thái: đồng bằng, trung du và vùng núi.

Vùng núi cao có diện tích tự nhiên 63.500 ha, bằng 51,5% diện tích tự nhiên của tỉnh, chiếm phần lớn diện tích của huyện Lập Thạch, Sông Lô và Tam Đảo, 4 xã của huyện Bình Xuyên và một xã của thị xã Phúc Yên.

Vùng trung du với diện tích tự nhiên 24.900 ha, chiếm phần lớn diện tích của huyện Tam Dương và Bình Xuyên, thành phố Vĩnh Yên, một phần các huyện Lập Thạch và

Sông Lô, thị xã Phúc Yên. Quỹ đất đồi của vùng này có lợi thế để xây dựng các khu công nghiệp, đô thị, phát triển cây công nghiệp cây ăn quả và chăn nuôi đại gia súc.

Vùng đồng bằng có diện tích tự nhiên 32.800 ha, gồm các huyện Vĩnh Tường, Yên Lạc và một phần thị xã Phúc Yên. Đây là vùng có địa hình bằng phẳng, phù hợp cho sản xuất nông nghiệp và thuận lợi trong xây dựng kết cấu hạ tầng.

2.1.3. Giao thông và cơ sở hạ tầng

Tỉnh có nhiều đường giao thông thủy, bộ chạy qua như tuyến đường cao tốc liên vận Hà Nội - Lào Cai – Vân Nam (Trung Quốc), tuyến đường thủy sông Hồng, Sông Lô và quốc lộ 2 nối liền Vĩnh Phúc với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh lân cận.

Hệ thống giao thông của tỉnh đa dạng và tương đối phát triển, có hệ thống đường bộ, đường thủy tiếp giáp với sân bay quốc tế Nội Bài nên thuận lợi cho việc phát triển kinh tế đối ngoại, là điểm đầu của quốc lộ 18 đi cảng Cái Lân (tỉnh Quảng Ninh), đồng thời có đường sắt Hà Nội – Lào Cai, đường quốc lộ 2 chạy dọc tỉnh.

Chảy qua Vĩnh Phúc có 4 dòng sông chính là sông Hồng, sông Lô, sông Phó Đáy và sông Cà Lồ. Hệ thống sông là tuyến đường thủy quan trọng thuận lợi cho tàu bè đi lại.

2.1.4. Tài nguyên, khoáng sản

Tài nguyên thiên nhiên của Vĩnh Phúc gồm có: tài nguyên nước, tài nguyên đất, tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản và tài nguyên du lịch

- Tài nguyên nước: gồm có mặt nước và nước ngầm

- Tài nguyên đất: trên địa bàn có 2 nhóm đất chính là đất phù sa và đất đồi núi

- Tài nguyên rừng: tài nguyên rừng đáng kể nhất của tỉnh đó là Vườn Quốc gia Tam Đảo với diện tích trên 15 nghìn ha, là nơi bảo tồn nguồn gen động thực vật (có trên 620 loài cây thảo mộc và 165 loài chim thú), trong đó có nhiều loại quý hiếm được ghi vào sách đỏ như cây mực, sóc bay, vượn.

- Tài nguyên khoáng sản: Vĩnh Phúc là tỉnh nằm ở vị trí chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng nên rất nghèo về tài nguyên khoáng sản.

- Tài nguyên du lịch: Vĩnh phúc có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch tự nhiên và du lịch nhân văn như Tam Đảo; Đại Lải; Dị Nâu,...

2.1.5. Dân số và nguồn nhân lực

Dân số trung bình tỉnh Vĩnh Phúc năm 2019 là 1.154.836 người, trong đó dân số nam 575.460 người chiếm 49,83%, dân số nữ 579.376 người chiếm 50,17%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 11,3%. Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động (năm 2019) chiếm 55,47%; tỷ lệ dân

số làm việc trong các ngành kinh tế: Nông lâm nghiệp và thủy sản chiếm 28,49%; Công nghiệp Xây dựng chiếm 44%; Dịch vụ thương mại chiếm 27,51%. Vĩnh Phúc là mảnh đất có truyền thống văn hóa, giáo dục tốt. Con người nơi đây nổi tiếng bởi sự cần cù, trung thực, đoàn kết, gắn bó. Giá nhân công rẻ, dễ tuyển dụng nên rất có lợi cho các nhà đầu tư khi đầu tư vào Vĩnh Phúc.

2.1.6. Điều kiện kinh tế - xã hội

Hình 2. 2. Tốc độ tăng GRDP 6 tháng đầu năm giai đoạn 2017-2021



Bảng 2. 1. Một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu giai đoạn 2018-quý III/2021

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm	2018	2019	2020	Quý III/2021
Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội		30.922	39.415	43.155	12.211
Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN		6.176	5.779	7.878	4.810
Thu ngân sách nhà nước		45.681	31.430	25.192	18.374
Chi ngân sách nhà nước		30.231	15.675	19.144	14.038



Nguồn: Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc

Nhìn chung, tình hình phát triển KT – XH của Vĩnh Phúc trong những năm trở lại đây toạng đối ổn định. Năm 2020, GDRP của tỉnh bị giảm nhẹ là bởi vì tỉnh phải chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid – 19. Nhưng ngay thời gian sau đó, với sự quyết tâm và vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp nên dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh nhanh chóng được kiểm soát nhờ đó mà nền kinh tế của tỉnh được cải thiện và phát triển. Cụ thể, 9 tháng đầu năm 2021, hoạt động đầu toạ, xây dựng trên địa bàn có mức tăng toạng khá quan so với cùng kì năm toạ. Trong giai đoạn này, tỉnh thu hút được 31 dự án DDI với tổng vốn đăng kí 16.343 tỷ đồng tăng 128,02% so với cùng kì năm toạ; thu hút được 52 dự án FDI với tổng vốn đăng kí 992,5 triệu USD, tăng 218,59% so với cùng kì. Thu ngân sách nhà toạ đạt 18.374 tỷ đồng tăng 30,03% và chi ngân sách nhà toạ đạt 14.038 tỷ đồng tăng 2,66%. Đây là những kết quả khá là ấn toạng của Vĩnh Phúc. Vì vậy, Vĩnh Phúc là điểm đến được nhiều các nhà đầu toạ lớn.

2.2. Thực trạng thu hút đầu toạ trực tiếp toạ ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

2.2.1. Khái quát về tình hình phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Với vị trí thuận lợi, các cơ chế, chính sách hỗ trợ linh hoạt, hợp lý từ lúc bắt đầu làm thủ tục đầu toạ đến suốt quá trình sản xuất kinh doanh, những năm qua, Vĩnh Phúc luôn là điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu toạ.

Theo báo cáo kết quả thu hút đầu toạ giai đoạn 2011-2020 của Sở Kế hoạch và Đầu toạ thì đầu toạ trực tiếp đóng góp ngày càng lớn vào nguồn vốn đầu toạ xã hội và là nhân tố quan trọng thúc đẩy kinh tế tăng toạ, tăng thu ngân sách của tỉnh. Qúa tính giai đoạn 2011-2020, tổng vốn đầu toạ thực hiện của các dự án FDI đạt 2,66 tỷ USD.

Đến nay, tỉnh Vĩnh Phúc được Thủ toạng Chính phủ chấp thuận quy hoạch 19 KCN với tổng diện tích 5.487,31 ha, trong đó có 9 KCN đã thành lập với tổng diện tích 1.843,38 ha, tỷ lệ lấp đầy trên diện tích đất giải phóng mặt bằng đạt gần 63%

Bảng 2. 2. Khái quát các KCN tỉnh Vĩnh Phúc (một số KCN tiêu biểu)

STT	Khu công nghiệp	Quy mô KCN (ha)	Diện tích đất CN theo quy hoạch (ha)	Vị trí	Chủ đầu toạ
-----	-----------------	-----------------	--------------------------------------	--------	-------------

1	KCN Khai Quang	216,24	162,29	TP.Vĩnh Yên, cạnh quốc lộ 2A, cách ga đường sắt tuyến Hà Nội – Lào Cai khoảng 2 km, cách thủ đô Hà Nội khoảng 50km	Công ty Cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc
2	KCN Bình Xuyên	287,70	209,83	H.Bình Xuyên, nằm cạnh đường Quốc lộ 2 (NB -LC), cách trung tâm thủ đô Hà Nội 45km	Công ty TNHH ĐTXD An Thịnh Vĩnh Phúc
3	KCN Bá Thiện II	308,83	228,368	H.Bình Xuyên cách đường cao tốc (NB-LC) 6km ; cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 50km	Công ty TNHH VINA-CPK
4	KCN Bình Xuyên II	42,21	31,65	Thuộc H.Bình Xuyên, cách cao tốc NB – LC 2km, cách trung tâm thủ đô Hà Nội 45km	Công ty TNHH FU CHUAN
5	KCN Thăng Long (Vĩnh Phúc)	213	170,4	H. Bình Xuyên, cách cao tốc NB-LC 3km; cách trung tâm Thủ đô Hà Nội 45km	Công ty TNHH Thăng Long Vĩnh Phúc

Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc Nằm ở trung tâm kinh tế, chính trị của tỉnh, 17 năm qua, KCN Khai Quang, thành phố Vĩnh Yên được nhiều nhà đầu tư lựa chọn. Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, Công ty cổ phần Phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc - chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Khai Quang không chỉ giúp doanh nghiệp nhanh chóng tiếp cận mặt bằng, nhà xưởng mà còn hỗ trợ tối đa các dịch vụ khép kín trong khu công nghiệp; thực hiện miễn giảm phí quản lý, sử dụng hạ tầng... Hiện nay, giá thuê đất đã có hạ tầng ở khu này là 68USD/m²/năm với nhiều nhà đầu tư lớn sản xuất trong lĩnh vực LKĐT, điện tử, khuôn mẫu cho sản phẩm kim loại, phi kim loại nhẹ: Công ty TNHH Partron Vina, Daewoo Bus, Jahwa Vina,

Haesung Vina, BH Flex Vina, Exedy... Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp này đạt trên 97%.

KCN Bình Xuyên do Công ty TNHH đầu tư xây dựng An Thịnh Vĩnh Phúc làm chủ

đầu tư cũng là một trong những điểm dừng chân hấp dẫn của các nhà đầu tư. Khu công nghiệp này có tổng diện tích trên 286,9ha, trong đó, diện tích đất công nghiệp trên 213ha; tỷ lệ lấp đầy đạt trên 85%. Hiện giá thuê đất đã có hạ tầng ở khu công nghiệp này là 65USD/m²/cả đời dự án; phí quản lý duy tu bảo dưỡng hạ tầng 0,3 USD/m²/cả đời dự án; phí xử lý nước thải 0,45 USD/m³/tháng; giá nước sạch 0,6USD/m³. Khu công nghiệp này

đang là nơi ăn nên làm ra của nhiều doanh nghiệp, tiêu biểu là Công ty Piaggio Việt Nam, Công ty cổ phần Prime Group, Công ty TNHH Kohsei Multipack, Công ty TNHH De Heus...

KCN Bá Thiện II do Công ty TNHH VINA-CPK làm chủ đầu tư hiện đã thu hút được 51 dự án, gồm 3 dự án DDI, tổng vốn đầu tư gần 1.300 tỷ đồng và 48 dự án FDI, tổng vốn đầu tư hơn 800 triệu USD. Tỷ lệ lấp đầy diện tích đất sạch đạt 100%. Các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp này chủ yếu sản xuất trong lĩnh vực linh kiện điện tử, sản xuất hàng may mặc, công nghiệp hỗ trợ... Đặc biệt, khu công nghiệp này luôn tạo được ấn tượng tốt đẹp với các nhà đầu tư, bởi những hàng thông xanh mướt được trồng dọc các lối đi; giá thuê đất có hạ tầng hợp lý, với 70 USD/m²/ cả đời dự án; phí quản lý duy tu bảo dưỡng hạ tầng 0.3 USD/m²/năm; phí xử lý nước thải 0,3 USD/m³/năm; tiền thuê đất thô doanh nghiệp được miễn đến 31/12/2025.

KCN Bình Xuyên II do Công ty TNHH Fu Chuan làm chủ đầu tư, tổng vốn đăng ký gần 150 triệu USD, diện tích quy hoạch giai đoạn I trên 42ha, trong đó, diện tích đất công nghiệp gần 32ha. Với giá thuê hợp lý và hạ tầng đồng bộ, sau 6 năm đi vào hoạt động, khu công này thu hút 32 dự án đầu tư, tổng vốn đăng ký gần 270 triệu USD, là khu công nghiệp thứ 3 của tỉnh có tỷ lệ lấp đầy 100% sau KCN Kim Hoa và KCN Bá Thiện (giai đoạn I). Các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp này chủ yếu hoạt động sản xuất, kinh doanh lĩnh vực: linh kiện điện tử, thiết bị văn phòng, điện thoại di động, phần mềm... tạo việc làm, thu nhập ổn định cho cho gần 7.300 lao động. Nhiều doanh nghiệp đang tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, đóng góp tích cực vào thu ngân sách, tạo việc làm cho người lao động, tiêu biểu như: Công ty TNHH Korea Computer, Công ty TNHH Young Poong Vina Vĩnh Phúc, Công ty TNHH Diostech Vina...

Là khu công nghiệp kiêu mẫu của tỉnh, KCN Thăng Long Vĩnh Phúc đang gây ấn tượng mạnh và thu hút được nhiều nhà đầu tư, kể cả những nhà đầu tư khó tính. Khu công nghiệp này được khởi công xây dựng từ tháng 9/2017 do Tập đoàn Sumitomo Nhật Bản làm chủ đầu tư với tổng diện tích hơn 213ha. Sau 4 năm khởi công xây dựng, đến nay, khu công nghiệp thu hút hơn 20 dự án đầu tư, tổng vốn đăng ký trên 323,8 triệu USD, tỷ lệ lấp đầy đạt trên 50%. Trong đó, có 14 dự án đã được cấp phép đầu tư, 6 dự án đăng ký giữ chỗ. Ngoài các nhà đầu tư đến từ Nhật Bản, khu công nghiệp này còn thu hút được một số dự án của các nhà đầu tư Đài Loan, Việt Nam hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ phục vụ sản xuất ô tô, xe máy, linh kiện

điện tử. Dự kiến khi hoàn thành các giai đoạn xây dựng, khu công nghiệp Thăng Long

Vĩnh Phúc sẽ là nơi dừng chân của khoảng 80 nhà đầu tư thứ cấp đến từ Nhật Bản, tạo việc làm, thu nhập ổn định cho 40-50 nghìn lao động.

2.2.2. Tình hình chung về vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (2018-quý III/2021)

Trong những năm qua, tỉnh Vĩnh Phúc đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ nhằm cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và đã đạt được những bước tiến vượt bậc. Theo kết quả xếp hạng về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong những năm gần đây thì Vĩnh Phúc luôn đứng trong nhóm tốt và rất tốt với các chỉ số thành phần xếp hạng cao và tăng điểm qua các năm. Điều này đã tạo sự tin tưởng và sức hút mạnh mẽ đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Vốn đầu tư vào các KCN tăng lên rõ rệt qua từng năm phần nào cũng cho thấy được sự quan tâm của tỉnh trong công tác phát triển KCN thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Bảng 2. 3. Tổng hợp tình hình thu hút FDI tại các KCN tỉnh Vĩnh Phúc

Năm	Tổng số dự án đầu tư FDI	Vốn đăng kí (triệu USD)	Vốn thực hiện (triệu USD)
2018	48	388,64	361,38
2019	64	475,2	364,19
2020	22	422,05	341,55
Quý	24	840,91	303,31

III/2021

Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc Từ bảng số liệu trên ta có thể thấy, tình hình thu hút FDI vào các KCN trên địa bàn tỉnh về cơ bản đạt những kết quả khá quan, vốn đầu tư thu hút luôn đạt và vượt kế hoạch đã đề ra và có sự tăng trưởng rõ rệt qua từng năm.

Năm 2020, dịch bệnh Covid-19 bùng phát lan rộng ra nhiều nước trên thế giới, trong đó có Việt Nam nói chung và Vĩnh Phúc nói riêng. Vĩnh Phúc là một trong số các địa phương đầu tiên trong cả nước có ca bệnh, các nhà đầu tư từ nhiều quốc gia, trong đó có Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc là thị trường truyền thống của tỉnh Vĩnh Phúc đã dừng triển khai tìm kiếm cơ hội đầu tư mới. Chính vì vậy mà kết quả thu hút đầu tư năm 2020 của tỉnh đạt thấp hơn so với năm 2019. Cụ thể, vốn FDI tại các KCN đạt 422,05 triệu

USD, với 22 dự án cấp mới và điều chỉnh tăng vốn cho 35 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng kí là 422,05 triệu USD, bằng 49% về vốn đầu tư so với năm 2019.

Tuy nhiên, sang đến năm 2021, dịch bệnh Covid – 19 được kiểm soát tốt, người dân và các doanh nghiệp đã chủ động thích ứng với trạng thái bình thường mới, tình hình KT-XH ở Vĩnh Phúc nói chung và hoạt động thu hút đầu tư của tỉnh nói riêng đã đạt được những kết quả nổi bật. Cụ thể, 9 tháng đầu năm 2021, các KCN trên địa bàn tỉnh thu hút

24 dự án FDI mới và 19 lượt tăng vốn đầu tư với tổng vốn đăng ký đạt 928,99 triệu USD (cấp mới: 840,91 triệu USD, tăng vốn: 88,08 triệu USD), đạt 405% về vốn đầu tư so với cùng kỳ năm 2020 và đạt 99% so với kế hoạch năm 2021. Kết quả này đã nâng tổng số dự án tại các KCN của tỉnh lên thành 329 dự án FDI với tổng vốn đầu tư 5.378,43 triệu USD.

2.2.3 Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN giai đoạn 2018-quý III/2021

Bảng 2. 4. Tổng số dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài tại một số KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc

Đơn vị: dự án

KCN	KCN Khai Quang	KCN Bình Xuyên	KCN Bá Thiện II	KCN Bình Xuyên II	KCN Thăng Long
Năm					
2018	72	66	31	39	7
2019	76	76	47	52	9
2020	76	85	48	58	19
Quý III/2021	78	84	53	57	25

Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc

Bảng 2. 5. Tổng số vốn đăng ký FDI tại một số KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc (2018-quý III/2021)

Đơn vị: Triệu USD

KCN	KCN Khai Quang	KCN Bình Xuyên	KCN Bá Thiện II	KCN Bình Xuyên II	KCN Thăng Long
Năm					

2018	876.64	518.93	487.76	256.53	201.79
2019	1.046,31	546.54	715.74	288.07	288.94

2020	1.215,18	656.74	842.54	299.64	564.11
Quý III/2021	1.221,49	1.275,27	886.72	303.45	720.26

Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc

Nhìn vào hai bảng số liệu trên ta có thể thấy, thu hút đầu tư vào các KCN tiếp tục có những chuyển biến tích cực, số dự án và vốn đầu tư FDI vào các KCN có xu hướng tăng theo từng năm. Các KCN như Khai Quang, Bình Xuyên, Bá Thiện II, Bình Xuyên II là những KCN trọng điểm của tỉnh vì vậy mà số dự án và tổng số vốn đăng ký của các KCN này đều ở mức cao.

KCN Thăng Long Vĩnh Phúc được khởi công xây dựng vào tháng 9/2017, với tổng vốn đăng ký 2.050 tỷ đồng có mục tiêu thu hút các ngành công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên các dự án công nghệ cao. Vì thời gian thành lập chưa được lâu nên thời gian đầu, KCN không hoạt động mạnh bằng các KCN khác trên địa bàn. Nhưng trong khoảng thời gian gần đây, cụ thể năm 2020, KCN Thăng Long Vĩnh Phúc đã vươn lên dẫn đầu các KCN trên địa bàn tỉnh về thu hút các dự án FDI với tổng số 9/22 dự án và có tổng vốn đăng ký đạt trên 257 triệu USD, chiếm 61% tổng vốn đầu tư FDI vào các KCN. Tính đến hết tháng 9/2021, KCN Thăng Long Vĩnh Phúc thu hút được 25 dự án FDI với tổng số vốn đầu tư hơn 720 triệu USD. Với các điều kiện thuận lợi như về vị trí, diện tích thì có thể chắc chắn rằng KCN này sẽ phát triển mạnh trong tương lai.

2.2.4. Tình hình thu hút vốn đầu tư FDI vào các KCN theo lĩnh vực

Bảng 2. 6. Doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh của một số lĩnh vực chủ yếu tại các KCN trên địa bàn tỉnh

Đơn vị: triệu USD;%

ST T	Lĩnh vực	2018	2019	2020	So sánh	
					2018/2019	2019/2020
1	Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy	286,27	320,97	308,13	121%	96%
2	Lĩnh vực hỗ trợ (phụ tùng) ô tô, xe máy	287,78	320,07	307,27	111%	96%
3	Lĩnh vực hỗ trợ điện, điện tử, gia công LKĐT	2.720,08	4.134,49	4.589,29	152%	111%
4	Lĩnh vực dệt may	115,20	152,74	163,44	133%	107%

5	Lĩnh vực CN sản xuất VLXD	72,69	69,67	57,83	96%	83%
---	--	-------	-------	-------	-----	-----

Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc Số liệu thống kê từ hai bảng trên cho thấy ngành nghề đầu tư vào các KCN của tỉnh Vĩnh Phúc khá là đa dạng. Doanh thu từ các lĩnh vực này có sự tăng nhẹ qua từng năm. Các ngành nghề nhỏ hỗ trợ điện, điện tử, gia công LKĐT; lĩnh vực hỗ trợ (phụ tùng) ô tô, xe máy; công nghệ sản xuất, lắp ráp ô tô xe máy có doanh thu khá cao so với các lĩnh vực còn lại. Riêng lĩnh vực hỗ trợ điện, điện tử, gia công LKĐT từ có doanh thu vượt trội so với các lĩnh vực còn lại bởi vì lĩnh vực này chiếm hơn 50% số dự án ở trong KCN, phần

lớn các doanh nghiệp trong các KCN chuyên hoạt động và sản xuất về lĩnh vực này.

2.2.5. Tình hình thu hút vốn FDI vào các KCN theo nhà đầu tư

Nhìn chung các dự án hoạt động sản xuất kinh doanh trong các KCN đều hoạt động hiệu quả. Các dự án đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh đã tạo nên sự tăng trưởng và phát triển KT-XH của tỉnh, góp phần giải quyết việc làm và làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

Bảng 2. 7. Bảng tổng hợp các đối tác FDI tính đến hết năm 2020

STT	Nước đầu tư	Số dự án được cấp phép	Vốn đăng kí (triệu USD)
1	Đài Loan	39	989,46
2	Nhật Bản	54	1.362,10
3	Hàn quốc	210	2.363,52
4	Trung Quốc	52	515,4
5	Thái Lan	13	197,48
6	Xin-ga-po	13	482,21
7	Các nước khác	20	228,02

Nguồn: Tổng cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc

Nhìn vào bảng trên ta thấy nước đầu tư vào KCN của tỉnh nhiều nhất đó là Hàn Quốc; đứng ở vị trí thứ hai là Nhật Bản và Trung Quốc; đứng ở vị trí thứ 3 là Đài loan. Cụ thể, tính đến hết năm 2020 vừa qua, số dự án được cấp phép của Hàn Quốc ở trên địa bàn lên tới 210 dự án với số vốn đăng kí là 2.363,53 triệu USD. Số dự án được cấp phép của Hàn Quốc chiếm tới hơn 50% tổng số dự án trên địa bàn.

Nguồn vốn tập trung vào tỉnh chủ yếu vẫn là các nước Đông Bắc Á. Các nhà đầu tư Châu Âu chỉ chiếm số vốn đầu tư ít trên địa bàn. Cụ thể, tính đến hết tháng 10 năm 2021 toàn tỉnh thu hút được 426 dự án FDI với tổng vốn đăng kí 7,1 tỷ USD. Các dự án đầu tư đến từ 20 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, trong đó có 15 dự án của các nhà

đầu tư Châu Âu, chiếm gần 3% tổng vốn đăng ký FDI. Vì vậy trong thời gian tới để thu hút được các nhà đầu tư lớn từ Châu Âu, Hoa Kỳ, ... Vĩnh Phúc cần tiếp tục đổi mới hoạt động thu hút đầu tư, nâng cao chất lượng dự án thu hút đầu tư mới theo hướng gia tăng hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật, ưu tiên thu hút các ngành công nghệ kỹ thuật cao.

2.3. Các hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc

2.3.1. Thực trạng công tác xúc tiến đầu tư

Tỉnh tổ chức các hội nghị đối thoại với các DN, nhà đầu tư và duy trì thường xuyên các chương trình lãnh đạo tỉnh, gặp gỡ doanh nhân hàng tuần vào chiều thứ sáu để kịp thời lắng nghe ý kiến tham vấn, đề xuất của doanh nghiệp về cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường đầu tư. Hoạt động hợp tác về xúc tiến đầu tư với các cơ quan xúc tiến đầu tư ở Trung ương, các tổ chức xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước được đẩy mạnh. UBND tỉnh cùng các cơ quan chuyên môn đã tích cực tham dự các hội nghị, diễn đàn, lễ ký kết, các buổi tiếp xúc với nhà đầu tư nước ngoài để giới thiệu môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh với các doanh nghiệp đến từ nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau.

Năm 2021, thực hiện công tác thu hút đầu tư với phương châm khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để phát triển sản xuất và dịch vụ, phù hợp với tình hình thực tế về bảo đảm phát triển kinh tế xã hội trong điều kiện ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, Vĩnh Phúc tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xúc tiến đầu tư. Nâng cao chất lượng xúc tiến đầu tư tại chỗ bên cạnh việc tăng cường các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Xúc tiến và thu hút các dự án đầu tư có chọn lọc; kiên trì tìm kiếm và quyết liệt để thu hút các nhà đầu tư lớn có tiềm lực kinh tế, các dự án có quy mô lớn, chất lượng, hiệu quả, tạo hiệu ứng tốt cho môi trường đầu tư. Hạn chế những dự án có quy mô sử dụng đất lớn, giá trị gia tăng thấp; kiên quyết không xúc tiến và thu hút những dự án sử dụng quá nhiều năng lượng, nguy cơ ô nhiễm môi trường.

Theo thống kê, có đến 73,3% DN có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tại Vĩnh Phúc chịu ảnh hưởng tiêu cực từ dịch Covid-19. Để đồng hành cùng DN vượt qua khó khăn trước mắt, tỉnh tăng cường hỗ trợ DN về chính sách, thủ tục hành chính, thu hút lao động, xuất nhập khẩu và tạo điều kiện đưa hơn 1.800 quản lý cấp cao, chuyên gia, kỹ sư của các doanh nghiệp FDI vào tỉnh làm việc. Các hội nghị đối thoại với DN, nhà đầu tư, trao đổi thợ từ, thợ vẫn qua đường dây nóng và chương trình lãnh đạo tỉnh gặp gỡ doanh nhân hàng tuần được duy trì thường xuyên.

2.3.2. Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài

Trong thời gian qua tỉnh Vĩnh Phúc đã tích cực trong hoàn thiện thể chế, chính sách hợp tác đầu tư nước ngoài, hội nhập quốc tế; đáp ứng yêu cầu đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, bảo vệ môi trường, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế (theo Nghị quyết 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị).

Xây dựng các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển ngành, lĩnh vực, địa bàn.

Đổi mới cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, xây dựng bổ sung cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả, thực hiện tốt cam kết.

Ban hành các chính sách khuyến khích hợp tác, chuyển giao công nghệ và quản trị cho Doanh nghiệp Việt Nam.

Xây dựng thể chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm, công nghệ cao.

Xây dựng cơ chế khuyến khích, ưu đãi thỏa đáng để tăng liên kết giữa đầu tư trong nước vào đầu tư trực tiếp nước ngoài, các lĩnh vực cần ưu tiên thu hút; phát triển cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị góp phần nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí quốc gia trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Chính sách về khuyến khích đối với doanh nghiệp FDI đào tạo, nâng cao kỹ năng, trình độ cho người lao động Việt Nam; sử dụng lao động Việt Nam đã làm việc tu nghiệp tại các quốc gia tiên tiến.

Nâng cấp hoàn thiện quy định của pháp luật về công nghiệp hỗ trợ, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo. Hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp nước ngoài nâng cao năng lực thấp thụ công nghệ

Xây dựng chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cân đối, hợp lý giữa các vùng đảm bảo việc thu hút hợp tác đầu tư nước ngoài theo đúng định hướng, quy hoạch và yêu cầu phát triển.

Hoàn thiện thể chế, chính sách cho các khu kinh tế, khu công nghiệp... và các mô hình tự quản khác theo hướng xác định rõ trọng tâm phát triển và cơ chế, chính sách

vượt trội phù hợp với đặc thù của từng mô hình, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ với các khu vực khác.

2.3.3. Các chính sách ọu đấi cho nhà đầu tọ

Ngoài các chính sách ọu đấi chung theo quy định của nhà ọjớc về: Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thuế xuất nhập khẩu; Ọu đấi thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Ọu đấi về đất đái; Dự án trong lĩnh vực xã hội hóa; Dự án đầu tọ vào nông nghiệp, nông thôn. Tỉnh Vĩnh Phúc có các chính sách ọu đấi đầu tọ đọjợc quy định tại các văn bản:

Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 19/7/2012 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về thông qua Chương trình cải cách hành chính tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2012 – 2020;

Nghị quyết số 159/2014/NQ-HĐND ngày 22/12/2014 của HDDN tỉnh về việc hỗ trợ dự án nhà ở xã hội cho công nhân và ọjời có thu nhập thấp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2015-2020;

Nghị quyết số 207/2015/NQ-HĐND ngày 22/12/2015 của Hội đồng Nhân dân tỉnh và Quyết định số 18/2016/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số cơ chế chính sách hỗ trợ hoạt động giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016 – 2020;

Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 24/9/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc hỗ trợ đặc thù cho các hộ gia đình, cá nhân khu Nhà ọjớc thu hồi đất nông nghiệp để thực hiện quy hoạch xây dựng các Khu đô thị du lịch, dịch vụ chất lượng cao tại các vùng khó chuyển đổi cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc giai đoạn 2016-2021;...

Tỉnh có chính sách bàn giao mặt bằng sạch cho các dự án mang tính ọu tiên khuyến khích đầu tọ gồm: Dự án Giáo dục- đào tạo, dạy nghề; Y tế; Thể thao; Xử lý môi trường; Phối hợp cùng doanh nghiệp kịp thời tháo gỡ khó khăn, ọjớng mắc phát sinh trong quá trình hình thành dự án cũng như trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Tiếp nhận phản ánh kiến nghị, chỉ đạo giải quyết kịp thời những khó khăn, ọjớng mắc của doanh nghiệp bằng việc thiết lập, duy trì hoạt động Cổng thông tin đối thoại Doanh nghiệp – Chính quyền tỉnh Vĩnh Phúc.

Về thủ tục hành chính: đọjợc công khai về quy trình, thành phần hồ sơ, mẫu biểu và đọjợc giám sát giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc. Nhà đầu tọ nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính về đầu tọ tại Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian giảm từ 1/3 đến một nửa so quy định chung của Việt Nam; Đối với dự án lớn, tùy theo từng dự án cụ thể, tỉnh có thể xem xét, quyết định các chính sách ọu đấi đầu tọ phù hợp.

2.4. Đánh giá chung về thực trạng thu hút FDI vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc

2.4.1. Những thành tựu đạt được

Thời gian qua, các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc đã tích cực tranh thủ các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN, tạo mặt bằng thu hút, thực hiện tốt cơ chế một cửa, một đầu mối; tích cực trong các hoạt động xúc tiến đầu tư vậy nên kết quả thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN của tỉnh trong những năm gần đây có những kết quả khả quan. Kết quả được thống kê như bảng dưới đây.

Bảng 2. 8. Kết quả hoạt động của các DN FDI trong các KCN

Chỉ tiêu	Đơn vị	2018	2019	2020	So sánh	
					18/19	19/20
Vốn đầu tư thực hiện	Triệu USD	361,38	364,19	341,55	100,8%	93,78%
Doanh thu	Triệu USD	4.040,6	4.673,4	6.042,1	115,7 %	107%
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3.102,4	4.171,64	4.635,15	134%	110%
Lao động	Nghìn người	3,7	7,63	12,7		
Nộp ngân sách	Tỷ đồng	2.661,7	2.815,83	2.873,3	105,8%	102%

Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc Kết quả đầu tư nước ngoài đã tạo động lực phát triển cho các KCN, góp phần khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực tại chỗ, hiệu quả sử dụng đất KCN. Sản phẩm từ các KCN chủ yếu là xuất khẩu từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho tiếp cận và mở rộng thị trường quốc tế, tăng khả năng hội nhập, thi hút công nghệ mới; tạo công ăn việc làm và thu hút lao động trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận; tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần tăng trưởng kinh tế. Các dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch,

chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh.

Đa số các doanh nghiệp trên địa bàn chấp hành tốt chế độ báo cáo định kỳ, chấp hành tốt các quy định về vệ sinh môi trường, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, chưa để xảy ra trường hợp nào quá lớn về vi phạm sử dụng lao động, tranh chấp giữa người lao động với doanh nghiệp. Những năm gần đây, nhà đầu tư ngày càng chấp hành tốt Luật Lao động.

Đặc biệt, trong tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, chính quyền Tỉnh và các doanh nghiệp trên địa bàn Tỉnh nói chung và các doanh nghiệp KCN nói riêng đã có nhiều giải pháp hiệu quả trong công tác phòng, chống dịch, kiên quyết không để dịch

Covid-19 lây lan rộng trên địa bàn Vĩnh Phúc để bảo vệ thành quả chống dịch trong suốt thời gian qua “*Vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế*”. Nhờ đó phần lớn các doanh nghiệp FDI trong các KCN Tỉnh vượt qua được khó khăn, nỗ lực duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, chỉ tiêu kinh tế 9 tháng đầu năm 2021 tăng vượt so với kế hoạch và tăng cao so với cùng kỳ năm 2020 và tăng cao nhất trong vòng 10 trở lại đây. Trong 9 tháng đầu, tỉnh thu hút vốn FDI đạt 992,48 triệu USD bằng 248,12% so với kế hoạch năm và tăng 218,6% so với cùng kỳ năm 2020.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của các DN có vốn đầu tư nước ngoài trong KCN đã đóng góp quan trọng trong việc hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội của tỉnh Vĩnh Phúc. Tính đến nay, các KCN trên địa bàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho hơn 106.064 người, trong đó lao động trong tỉnh là 72.469 người, từng bước nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động.

2.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

2.4.2.1. Những hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc vẫn còn tồn tại một số những vấn đề cần giải quyết như:

Thứ nhất, hiệu quả tổng thể nguồn vốn FDI chưa cao. Hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp FDI đang đầu tư vào KCN đều tập trung vào lĩnh vực hỗ trợ điện, điện tử, gia công LKĐT; Công nghệ sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy;... Các KCN của tỉnh chưa thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các nước Châu Âu. Chủ yếu các dự án nước ngoài đang hoạt động tại KCN đến từ các nhà đầu tư bên phía Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc và Đài Loan. Đây cũng có thể coi là điểm mạnh trong khía cạnh thu hút các nhà đầu tư này. Tuy nhiên, các nhà đầu tư Hàn Quốc, Nhật Bản và Trung Quốc chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, sản xuất LKĐT,...

Thứ hai, mục tiêu thu hút công nghệ cao, chuyển giao công nghệ chưa đạt được như kỳ vọng. Trên 70% doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sử dụng công nghệ trung bình của thế giới, 5-6% sử dụng công nghệ cao, 16% ở mức thấp và lạc hậu. Chuyển giao công nghệ chủ yếu thực hiện theo chiều ngang giữa DN với DN, ít có những biến đổi về trình độ và năng lực công nghệ. Do mặt bằng công nghệ sử dụng trong các dự án đầu tư nước ngoài chưa cao nên hiệu quả chuyển giao công nghệ theo chiều ngang vẫn còn hạn chế. Không ít trường hợp nhà đầu tư nước ngoài đang lợi dụng sơ hở của luật pháp, yếu kém trong quản lý nhà nước để nhập khẩu vào địa phương các loại máy móc, thiết bị lạc hậu

gây ô nhiễm môi trường. Số dự án FDI có quy mô lớn, trình độ công nghệ cao còn ít, các dự án trong các KCN sử dụng lao động phổ thông nhiều, chưa có điều kiện nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc cho công nhân.

Thứ ba, một số dự án được cấp phép nhưng chưa đảm bảo tính bền vững, gây ô nhiễm môi trường, tiêu tốn năng lượng, tài nguyên. Quy định về môi trường của Việt Nam áp dụng chuẩn của các nước phát triển, song việc thẩm định tại tỉnh Vĩnh Phúc chỉ mang tính hình thức, tập trung nhiều vào khâu tiền kiểm, dẫn đến nhiều dự án khi triển khai đã vi phạm nghiêm trọng quy định về môi trường, gây tác động lâu dài tới sức khỏe người dân và hệ sinh thái khu vực. Không ít dự án nhập khẩu máy móc, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường không được phát hiện kịp thời. Có chiều hướng chuyển dòng đầu tư nước ngoài tiêu tốn năng lượng và tài nguyên, nhân lực, không thân thiện với môi trường nhưng tỉnh Vĩnh Phúc không có cơ chế kiểm soát về môi trường. Một số dự án chiếm giữ đất lớn nhưng không triển khai gây lãng phí tài nguyên.

Thứ tư, tình hình triển khai cơ sở hạ tầng KCN chưa đúng tiến độ. Cụ thể, trong 9 tháng đầu năm 2021, tình hình triển khai đầu tư hạ tầng KCN còn gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và các vấn đề về đất đai (tôn giáo, tín ngưỡng, đất quân sự...); cơ chế chính sách trong lĩnh vực chuyên ngành còn nhiều bất cập, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý nhà nước về quy hoạch KCN và quản lý các dự án sau cấp phép; hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các KCN chậm được đầu tư hoặc đã xuống cấp, chưa kịp thời duy tu bảo dưỡng... Do vậy hiện nay một số KCN mới chỉ triển khai được một phần diện tích hoặc chưa triển khai được, làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong KCN.

Thứ năm, có hiện tượng chuyển giá, trốn thuế xuất hiện trong một số doanh nghiệp. Họ có biểu hiện áp dụng các thủ thuật chuyển giá tinh vi như nâng khống giá trị góp vốn (bằng máy móc, thiết bị, bản quyền...), giá trị mua bán nguyên vật liệu đầu vào, bán thành phẩm, dịch vụ, phí quản lý, tiền bản quyền, chi phí bảo lãnh, cho vay, trả nợ, đào tạo, quảng cáo, chuyển nhượng vốn,... Từ đó gây ra tình trạng lỗ giả, lãi thật, gây thất thu cho ngân sách của tỉnh Vĩnh Phúc nói riêng và của Nhà nước nói chung.

Thứ sáu, một số doanh nghiệp không đáp ứng được công ăn việc làm cho người lao động trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát. Đại dịch Covid-19 khiến cho việc làm cũng như thu nhập và các khoản phúc lợi của công nhân giảm sút; nhiều ngành nghề kinh doanh phải dừng hoạt động, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp quy mô sản xuất, cắt giảm lao động. Bởi vậy mà một số doanh nghiệp không đáp ứng được công ăn việc làm cho

ngời lao động. Cụ thể tại công ty TNHH CDL Việt Nam- KCN Bình Xuyên, trong thời gian vừa qua họ đã cắt giảm hơn 1300 công nhân đang làm việc tại công ty.

2.4.2.2. Nguyên nhân của những hạn chế

Tiền đề thu hút đầu tư nước ngoài là về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, hệ thống các doanh nghiệp trong nước... chưa có sự chuẩn bị tốt và kỹ lưỡng dẫn đến giảm khả năng hấp thụ cũng như hiệu quả của đầu tư nước ngoài.

Hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến đầu tư nước ngoài nói chung và đầu tư nước ngoài vào các KCN nói riêng vẫn còn nhiều bất cập, chồng chéo, chưa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước. Khi xây dựng khung pháp lý chung áp dụng cho đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, chưa tính hết đặc thù của đầu tư nước ngoài. Một số luật chuyên ngành thuế, kinh doanh bất động sản, xây dựng,... quy định các thủ tục đầu tư, gây chồng chéo và không thống nhất với Luật đầu tư. Nhiều thủ tục quy định theo hướng đơn giản nhưng chưa tính đến yêu cầu quản lý nhà nước; thiếu hàng rào kỹ thuật để sàng lọc dự án và nhà đầu tư khi Việt Nam tham gia WTO.

Chính sách ưu đãi đầu tư chưa phù hợp, chưa đủ hấp dẫn nhà đầu tư đối với những ngành và lĩnh vực cần khuyến khích đầu tư, chưa có tính đột phá, thiếu linh hoạt; tồn tại nhiều doanh mục lĩnh vực, địa bàn ưu đãi đầu tư khác nhau thiếu nhất quán. Chính sách về lao động còn một số bất cập. Chính sách tiền lương hay thay đổi.

Thu hút và chuyển giao công nghệ chưa đạt được mục tiêu. Nguyên nhân chủ yếu là do tỉnh Vĩnh Phúc chưa đủ hấp dẫn các nhà đầu tư có công nghệ cao. Bên cạnh đó, các chính sách về thu hút công nghệ cao thì vẫn còn tồn tại nhiều bất cập như chính sách chưa hấp dẫn, quy định về Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và Doanh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích khó thực hiện. Ngoài ra còn phải kể đến một số nguyên nhân khác quan trọng là về bí quyết kỹ thuật, công nghệ riêng thường không chuyển giao thông qua hình thức mua bán bán quyền mà thông qua nhượng quyền hoặc một số hình thức khác.

Công tác quy hoạch còn bất cập, thể hiện ở việc thiếu một số quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm, chất lượng quy hoạch còn chưa cao do thiếu tính dự báo dài hạn và thiếu tính liên kết vùng, liên kết ngành hàng; việc xây dựng quy hoạch nhưng chưa tính đến năng lực sản xuất trong nước và của đầu tư nước ngoài dẫn đến các quy hoạch còn dàn trải, hiệu quả thấp. Ngoài ra, việc phân cấp đầu tư chưa phù hợp với tình hình thực

tế, phân cấp đầu tư “đại trà, dàn đều” chưa tính đầy đủ đến đặc thù của địa phương về năng lực quản lý, trình độ cán bộ, quy mô nền kinh tế địa phương.

Quản lý nhà nước về XTĐT còn hạn chế, phương thức XTĐT chưa được điều phối hiệu quả và thông suốt từ trung ương tới địa phương, có tình trạng nhiều đoàn XTĐT tại một địa bàn vào cũng một khoảng thời gian gần nhau từ đó gây lãng phí nguồn nhân lực. Bên cạnh đó, một số ngành, lĩnh vực ta mà ta có nợ cần lại chưa được quan tâm sâu sắc như ngành GD&ĐT, y tế, dự án công nghệ cao,...

Công tác xúc tiến đầu tư chưa phong phú và chưa có chất lượng cao về nội dung cũng như hình thức. Tỉnh chưa xác định rõ danh mục cụ thể thu hút đầu tư FDI vào các KCN dựa trên những lợi thế đặc trưng của tỉnh; chưa sử dụng triệt để các phương tiện thông tin đại chúng như quảng cáo trên truyền hình và thông tin trang Web chưa được cập nhật những thông tin hữu ích và phong phú.

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng các KCN còn chậm, hệ thống đầu tư hoàn thiện chưa đồng bộ, chất lượng không có điểm mạnh đột biến, dẫn đến chưa thu hút được các nhà đầu tư lớn vào các KCN.

Cơ quan quản lý nhà nước chỉ quan tâm tới việc thu hút đầu tư lấp đầy diện tích đất công nghiệp trong các KCN mà chưa tập trung đẩy mạnh thu hút đầu tư các lĩnh vực sử dụng công nghệ cao, dẫn đến sự mất cân đối trong cơ cấu đầu tư.

CHƯƠNG III: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THU HÚT FDI VÀO CÁC KCN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC

3.1. Phương hướng và mục tiêu thu hút FDI vào các KCN

3.1.1. Phương hướng thu hút FDI vào các KCN

- *Về đối tác đầu tư:* Ngoài việc tiếp tục xúc tiến những đối tác lớn và chủ yếu như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, tỉnh cần tiếp tục vận động các nhà đầu tư tiềm năng khác như EU, Mỹ, ... đầu tư vào tỉnh. Nhìn chung, trong giai đoạn hiện nay Vĩnh Phúc đang thu hút tất cả nguồn vốn của các nhà đầu tư nước ngoài để khai thác tiềm năng trong tất cả các lĩnh vực về kinh tế, xã hội; song tập trung vào các dự án có quy mô lớn, có tác

động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển ngành nghề mới.

- *Về lĩnh vực kêu gọi đầu tư*

+ Trong công nghiệp: Ưu tiên các dự án đầu tư khai thác, chế biến khoáng sản, nông lâm, thủy sản. Các lĩnh vực công nghệ cao, sản xuất lắp ráp điện tử; sản xuất ô tô, xe máy, cơ khí chế tạo. Đầu tư nhiều vào các lĩnh vực thu hút nhiều lao động như sản xuất, lắp ráp điện tử, dệt may, ... Sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.

+ Trong dịch vụ: Đầu tư kinh doanh, thương mại, bất động sản. Phát triển hạ tầng các cụm, khu công nghiệp. Các dự án về giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa và thể thao.

+ Trong nông lâm nghiệp: Trồng và chế biến nông, lâm, thủy sản. Đầu tư sản xuất, chế biến, nâng cao chất lượng nông sản mũi nhọn.

- *Về hình thức thu hút đầu tư:* Khuyến khích đầu tư dưới mọi hình thức (BOT, 100% vốn nước ngoài, liên doanh, hợp đồng hợp tác kinh doanh...). Trong đó chú trọng đến các doanh nghiệp liên doanh bởi đó là hình thức đầu tư có thể tiếp cận nhanh với công nghệ hiện đại và học hỏi được nhiều kinh nghiệm quản lý tiên tiến từ phía đối tác nước ngoài.

- *Về cơ sở hạ tầng:* Ưu tiên đầu tư nhằm hoàn chỉnh hạ tầng các KCN và CCN, tiến tới đồng bộ hóa CSHT kinh tế- kỹ thuật cả trong và ngoài KCN, đáp ứng tốt yêu cầu về hạ tầng của các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt là những dự án thuộc lĩnh vực công nghệ cao. Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước bỏ vốn đầu tư hạ tầng các KCN, CCN trên địa bàn tỉnh. Cụ thể trong 03 tháng cuối năm 2021, BQL sẽ tiếp tục tăng cường kiểm tra, rà soát những khó khăn vướng mắc, trong quá trình triển khai đầu tư xây dựng,

hoàn thiện hạ tầng các KCN trên địa bàn Tỉnh để kịp thời tháo gỡ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án.

- *Về địa bàn đầu tư* : Đối với những dự án có công nghệ hiện đại, quy mô lớn, sử dụng lao động có trình độ chuyên môn cao khuyến khích đầu tư vào địa bàn thành phố

Vĩnh Yên, thị xã Phúc Yên và các vùng lân cận.

3.1.2. Mục tiêu thu hút FDI vào các KCN

3.1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Trên cơ sở quy hoạch chung đô thị Vĩnh Phúc đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh quy hoạch 50 KCN và CCN với tổng diện tích lên đến hơn 5897ha năm dọc các trục quốc lộ, thuận lợi về giao thông. Ưu tiên đến phát triển công nghiệp ô tô, xe máy; công nghiệp điện tử công nghệ cao, công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp nhẹ; công nghiệp truyền thống. Trong đó chú ý công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm. Đồng thời phát triển đô thị và dịch vụ theo hướng hiện đại sớm trở thành đô thị vệ tinh của thủ đô Hà Nội.

Trong giai đoạn 2020-2025, Vĩnh Phúc sẽ xây dựng, hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư có chọn lọc. Tiếp tục duy trì thị trường các nước truyền thống Nhật Bản, Hàn Quốc. Đồng thời mở rộng hoạt động xúc tiến đầu tư vào các nước công nghiệp phát triển hàng đầu thế giới như: Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Đức, Ý, Anh... Đối với công tác xúc tiến đầu tư tại chỗ, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tiếp tục làm tốt các hoạt động hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh theo tinh thần Nghị quyết số 19 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết số 01 của BTV Tỉnh ủy và Đề án của UBND tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Định kỳ hằng năm tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư tại tỉnh hoặc các tỉnh, thành khác; duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo UBND tỉnh, các sở, ban, ngành với doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, tạo tính minh bạch, lành mạnh và công bằng, trong đó, mọi thủ tục hành chính phục vụ cho hoạt động đầu tư sẽ đơn giản, gọn nhẹ, không làm tăng chi phí cho nhà đầu tư.

Đứng trước tình hình dịch bệnh Covid 19 diễn biến phức tạp, các cấp chính quyền kết hợp cùng với Sở Y Tế, Bộ Công an, Ban Quản lý các KCN tỉnh, UBND các huyện, thành phố,... tiếp tục thực hiện quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả “mục tiêu kép” vừa phòng, chống dịch bệnh bảo vệ sức khỏe nhân dân vừa phục hồi và phát triển KT-XH. Cho đến thời điểm hiện tại Vĩnh Phúc cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh những các cấp chính

quyên và nhân dân không được chủ quan mà tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép”. Vậy nên Vĩnh Phúc được xem là điểm đến mà các nhà đầu tư trong và ngoài nước lựa chọn trong thời điểm hiện tại và tương lai. Ban Quản lý các KCN tỉnh cho biết, dự kiến trong giai đoạn 2021-2030, tỉnh Vĩnh Phúc quy hoạch từ 23-25 KCN với tổng quỹ đất công nghiệp dự kiến khoảng 7.000 ha.

3.1.2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Quy mô vốn đầu tư:* Mục tiêu 3 tháng cuối năm 2021 các doanh nghiệp trong KCN tiếp tục hoạt động ổn định, các chỉ tiêu kinh tế đạt kế hoạch đề ra. Các doanh nghiệp FDI có doanh thu đạt 1.895,24 triệu USD; giá trị xuất khẩu đạt 1.056,07 triệu USD; Nộp ngân sách Nhà nước đạt 1.108,35 tỷ đồng. Dự kiến sẽ có thêm 5-8 dự án FDI mới và vốn đăng ký đạt khoảng 30-40 triệu USD. Và dự kiến thu hút thêm khoảng 3.000 lao động trong và ngoài tỉnh, nâng tổng số lao động lũy kế làm việc tại các doanh nghiệp trong KCN lên khoảng hơn 109 nghìn lao động.

- *Thu hút FDI theo địa phương:* Trong những năm qua, vốn FDI vào tỉnh chủ yếu tập trung vào những nơi có điều kiện giao thông, thông tin tiện lợi thuận lợi cho quá trình sản xuất kinh doanh. Chính vì vậy mà dòng vốn FDI đổ vào tỉnh chủ yếu tập trung ở TP.Vĩnh Yên và TX. Phúc Yên. Còn một số huyện lân cận như Lập Thạch, Tam Dương, Vĩnh Tường thì lại không thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài. Cụ thể, KCN Tam Dương II-Khu A trên địa bàn Huyện Tam Dương chỉ có những dự án của các nhà đầu tư trong nước, chưa xuất hiện một dự án đầu tư nào có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; các KCN Sông Lô I, Sông Lô II thuộc địa bàn Huyện Lập Thạch thì vẫn đang trong thời kỳ bảo trì và giải phóng mặt bằng nên chưa thu hút được dự án nào. Kế hoạch trong những năm tới, Ban quản lý các KCN tỉnh sẽ tiếp tục tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp; làm tốt công tác phát triển hạ tầng các KCN và quản lý các dự án để thu hút thêm nhiều các dự án FDI tiềm năng mới. Đặc biệt, trong 3 tháng cuối năm 2021, Ban tiếp tục đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ, thực hiện thu hút đầu tư gắn với phát triển bền vững, tiết kiệm quỹ đất sạch và bảo vệ môi trường.

- *Mục tiêu thu hút FDI theo ngành:* trong năm nay, tỉnh phấn đấu thu hút đầu tư theo hướng nâng cao chất lượng các dự án đầu tư mới, gia tăng hàm lượng công nghệ, lao động kỹ thuật. Tỉnh ưu tiên thu hút các ngành nghề đón đầu cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 như kỹ thuật số, công nghiệp sinh học, vật liệu mới và các lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh. Với hệ thống các KCN đã được quy hoạch, tỉnh Vĩnh Phúc đang cố gắng phấn đấu để trở thành tỉnh công nghiệp vào năm 2025.

- Về đối tác đầu tư: Trong những năm tới, Vĩnh Phúc sẽ chủ động thu hút hợp tác đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá chủ yếu. Tăng cường hoạt động tiếp cận các nhà đầu tư lớn, đứng đầu các chuỗi cung ứng để kịp thời thu hút dòng vốn đầu tư mới. Đi liền với đó, tỉnh sẽ tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư đa dạng, thực chất, đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Ngoài ra, tỉnh sẽ thực hiện đúng cam kết với các nhà đầu tư và doanh nghiệp trên địa bàn trong việc đảm bảo cung cấp các dịch vụ thiết yếu cho các KCN. Hỗ trợ và tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp khi có nhu cầu mở rộng sản xuất, thay đổi phơng án sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, tỉnh sẽ xây dựng đội ngũ cán bộ am hiểu và tâm huyết với hoạt động xúc tiến đầu tư, có tinh thần và trách nhiệm trong giải quyết các thủ tục hành chính nhằm tạo đột phá trong công tác cán bộ làm hoạt động xúc tiến đầu tư và trực tiếp giải quyết thủ tục đầu tư.

3.2. Một số giải pháp nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN tỉnh Vĩnh Phúc

3.2.1. Cải cách thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính cần được đơn giản hóa, công khai đầy đủ, thời gian giải quyết phải được rút ngắn để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và nhân dân trong thực hiện giao dịch hành chính với cơ quan Nhà nước, góp phần cải thiện mối quan hệ giữa người dân với doanh nghiệp.

Phải thường xuyên rà soát, sửa đổi bổ sung các quy định hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư để vừa khuyến khích các nhà đầu tư vừa đảm bảo phù hợp với các quy định chung của Nhà nước. Các thủ tục hành chính cần công khai hoá, minh bạch hoá và được công bố rộng rãi trên các phơng tiện thông tin đại chúng, đảm bảo thông tin đến với các nhà đầu tư nước ngoài một cách thuận lợi nhất.

Tỉnh cần tập trung vào cải cách thể chế nhợ việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; thường xuyên giám sát, kiểm tra và thực hiện công tác rà soát văn bản quy phạm pháp luật bất và các văn bản khác các sao cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật.

Thực hiện tốt công tác kiểm soát thủ tục hành chính, công khai phí, lệ phí, thời gian và tình trạng giải quyết hồ sơ cơ thủ tục hành chính; Nâng cao chất lượng ảnh hưởng

trong thực hiện cơ chế "một cửa", "một cửa liên thông"; Thực hiện có hiệu quả tải phần mềm "một cửa" trung tâm phục vụ hành chính ảnh công cấp tỉnh, phần mềm bộ phận một

cửa cấp huyện cấp xã; phần mềm dịch vụ công trực tuyến; đẩy mạnh ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ ba, mức độ bốn.

Hơn thế nữa tỉnh cần tiếp tục nghiên cứu, sắp xếp các cơ quan đơn vị phù hợp với quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương; Tiếp tục rà soát, sắp xếp đảm bảo tính gọn hiệu quả đơn vị sự nghiệp công lập; giải thể những đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động không hiệu quả, không phù hợp với quy hoạch của tỉnh hoặc không phù hợp với một số đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các lĩnh vực kinh tế, dịch vụ, giáo dục và y tế.

Tỉnh cần xác định rõ việc hoàn thiện hệ thống công thông tin điện tử các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện hiệu quả việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ảnh theo tiêu chuẩn quản lý về chất lượng (ISO) trong các cơ quan hành chính Nhà nước; xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu về quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; tăng cường đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin tin áp dụng hiệu quả phần mềm dùng cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả “một cửa”, “một cửa liên thông: ở các cấp.

3.2.2. Nâng cao trình độ nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực trong việc thực hiện chính sách pháp luật đóng vai trò rất quan trọng. Việc nâng cao trình độ đội ngũ nguồn nhân lực trong công tác thu hút, khuyến khích đầu tư là hết sức cần thiết. Tỉnh cần tăng cường đào tạo, cập nhật những kiến thức cho những cán bộ trong lĩnh vực quản lý nhà nước học cử ngoại ngữ ra nước ngoài học hỏi, tập trung các lớp về kiến thức quản lý, kiến thức về đầu tư. Cách làm này sẽ giúp tỉnh nhanh chóng tiếp cận được những kỹ năng trong hoạt động đầu tư, đáp ứng tốt hơn cho các công việc trước mắt lâu dài.

Tăng chi ngân sách nhà nước và khuyến khích đầu tư nhân đầu tư phát triển các dịch vụ nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ công chức nhà nước ở các cấp và lao động trong các hoạt động liên quan đến FDI.

Tỉnh cần quan tâm hơn đến việc đào tạo lực lượng công nhân có trình độ tay nghề cao trong các trường dạy nghề. Cần phải nâng cao cả về chất lượng và số lượng, đào tạo những ngành nghề mà phía đối tác đang cần chứ không phải là đào tạo các ngành nghề mà ta đang có. Chính vì vậy, giữa các trường đại học- cao đẳng- trung học cũng như các doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp FDI trên địa phương cần phải có mối quan hệ

chặt chẽ với nhau. Điều này vừa tạo điều kiện cho các sinh viên ra trường tìm kiếm được việc làm vừa giúp cho các doanh nghiệp FDI có thể tuyển dụng được nguồn nhân lực.

Bên cạnh trình độ chuyên môn, chúng ta còn phải đặc biệt coi trọng trình độ ngoại ngữ, kiến thức pháp luật, đối ngoại và những hiểu biết nhất định về văn hóa nước ngoài,... cho những cán bộ làm việc với các đối tác nước ngoài.

3.2.3. Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư

Đa dạng hóa các kênh vận động, xúc tiến đầu tư. Trước sự chuyển biến nhanh của kinh tế trong nước và thế giới và dưới sự tác động của đại dịch Covid 19, tỉnh cần nhanh chóng tháo dỡ tiếp cận đổi mới sáng tạo công tác xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư để tạo ra sức hấp dẫn cho các đối tác. Môi trường đầu tư của Vĩnh Phúc hiện nay được nhà đầu tư nước ngoài đánh giá rất cao.

Chủ động phối hợp với các tổ chức, cơ quan ngoại giao ở nước ngoài để phân loại, nghiên cứu kỹ các đối tác nước ngoài có nhu cầu hoặc quan tâm đến việc dịch chuyển đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc. Việc phân loại đối tác cũng phải có trọng tâm, trọng điểm, xem đối tác nào có khả năng đáp ứng mục tiêu muốn thu hút vào KCN. Sau đó, không chỉ dừng lại ở việc tiếp cận, giới thiệu mà tỉnh cần phải tìm hiểu nhu cầu bên phía nhà đầu tư đặc biệt là các đối tác lớn. Bên cạnh đó tỉnh cần vận động đầu tư thông qua các mối quan hệ cá nhân hay tổ chức có uy tín.

Tăng cường đào tạo, củng cố bộ máy xúc tiến đầu tư, chỉ đạo tích cực xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước, mở rộng các hình thức xúc tiến đầu tư bằng nhiều hình thức: quảng bá, tổ chức hội thảo, chủ động tiếp xúc với các đối tác đầu tư trong và ngoài nước. Ngoài chương trình xúc tiến đầu tư chung, giao cho Ban quản lý các KCN tổ chức xúc tiến đầu tư vào các KCN theo kế hoạch.

Thường xuyên cập nhật và duy trì trang Web, các phương tiện truyền thông đại chúng để quảng bá về chính sách, điều kiện đầu tư, thông tin kinh tế xã hội của tỉnh liên quan đến thu hút đầu tư trong và ngoài nước, vận động thu hút đầu tư các dự án công nghệ kỹ thuật cao.

Phối hợp với các tỉnh lân cận cùng nhau chung tay tổ chức các hội nghị xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các nhà đầu tư nước ngoài.

3.2.4. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng KCN

Đến nay, tỉnh Vĩnh Phúc có 14 KCN được cấp quyết định chủ trương đầu tư và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thành lập với tổng diện tích đất quy hoạch là

2.773,948 ha; trong đó có 08 KCN đã đi vào hoạt động với cơ sở hạ tầng tương đối đồng bộ và hiện đại và đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư ở trong và ngoài nước. Tuy

nhiên tình hình triển khai đầu tư hạ tầng KCN vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và các vấn đề về đất đai. Vậy nên để tháo gỡ những khó khăn trên tình cần phải thực hiện một số biện pháp dưới đây:

Ban Quản lý cần tham gia ý kiến với Sở Xây dựng, Sở Giao thông và Sở Tài nguyên và Môi trường các nội dung liên quan đến công tác quy hoạch, xây dựng và sử dụng đất trên địa bàn Tỉnh nơi có các dự án KCN.

Phòng chức năng của Ban Quản lý cần quan tâm hơn nữa trong việc thực hiện sát sao công tác triển khai xây dựng hạ tầng các KCN. Cụ thể là trong công tác chỉ đạo rà soát, đánh giá cơ sở hạ tầng đến hàng rào các KCN trên địa bàn Tỉnh; đôn đốc các công ty hạ tầng về việc lắp đặt các trạm thu phát sóng di động (BTS) trong các KCN; yêu cầu các công ty đầu tư hạ tầng KCN Tam Dương II- Khu A, KCN Bá Thiện- Phân khu 1 hoàn thiện thủ tục đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung; đôn đốc chủ đầu tư hạ tầng đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng triển khai dự án KCN Sơn Lôi...

Bên cạnh đó, để hỗ trợ hiệu quả cho các nhà đầu tư hạ tầng KCN, Ban Quản lý cần phối hợp chặt chẽ với chính quyền các huyện Bình Xuyên, Tam Dương, Lập Thạch, Sông Lô và các chủ đầu tư hạ tầng các KCN thực hiện rà soát khó khăn, vướng mắc và kế hoạch đầu tư xây dựng các KCN trên địa bàn đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư; phối hợp với UBND huyện Vĩnh Tường kiểm tra, rà soát tiến độ bồi thường, giải phóng mặt bằng, triển khai thực hiện đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư KCN Chấn Hưng; Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị nội dung phục vụ Tổ công tác đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy thực hiện dự án đầu tư hạ tầng KCN; Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát, đăng ký bổ sung chỉ tiêu sử dụng đất của KCN Bá Thiện và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của tỉnh Vĩnh Phúc; Phối hợp với Sở Công thương việc cung cấp số liệu phục vụ lập kế hoạch vận hành hệ thống điện (HTĐ) miền Bắc năm 2022-2023; thực hiện cấp Giấy phép xây dựng cho các dự án.

3.2.5. Phát triển các KCN trên địa bàn

Trong quá trình quy hoạch và xây dựng, phát triển các KCN trên địa bàn, Ban Quản lý cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc về cơ chế chính sách (liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành). Chính vì vậy, Ban quản lý cần có những giải pháp hữu hiệu như:

Ban Quản lý các KCN cần thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng tập trung, chuẩn bị sẵn các nguồn lực cần thiết để đền bù, giải phóng mặt bằng các KCN; Tham

mọi UBND Tỉnh tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình bồi thường, giải phóng mặt bằng và triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng các KCN.

Đối với các KCN đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chủ trương đầu tư: Ban cần tiếp tục hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và quy định của pháp luật có liên quan khác; giám sát, đánh giá, đôn đốc nhà đầu tư triển khai dự án đảm bảo góp đủ số vốn chủ sở hữu, vốn huy động khác để đủ nguồn lực triển khai thực hiện dự án. Đối với 05 KCN chưa lựa chọn được chủ đầu tư: cần chủ động nghiên cứu, báo cáo UBND Tỉnh triển khai thực hiện lựa chọn chủ đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, thực hiện thủ tục đầu tư, thành lập KCN theo quy định.

Rà soát những khó khăn vướng mắc, nguyên nhân trong việc đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng các KCN trên địa bàn Tỉnh để kịp thời tháo gỡ, thúc đẩy tiến độ thực hiện các dự án. Giám sát chặt chẽ các chủ đầu tư hạ tầng về năng lực và cam kết triển khai dự án, từ đó có biện pháp xử lý, kiên quyết thu hồi hoặc tìm kiếm nhà đầu tư mới đủ năng lực tiếp tục thực hiện dự án hoặc điều chỉnh quy hoạch giảm diện tích KCN.

Rà soát toàn bộ hệ thống hạ tầng trong và ngoài hàng rào các KCN. Yêu cầu chủ đầu tư hạ tầng KCN thực hiện duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp và bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng trong KCN theo đúng quy hoạch được duyệt; đồng thời đề xuất cải tạo, nâng cấp, làm mới công trình hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào các KCN để tạo môi trường cảnh quan KCN hấp dẫn thu hút đầu tư và an toàn xã hội.

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai có hiệu quả chương trình đầu tư công về đầu tư xây dựng hạ tầng ngoài hàng rào các KCN trên địa bàn tỉnh. Phát triển đồng bộ hạ tầng đến chân hàng rào KCN để đảm bảo cho sự phát triển ngày càng bền vững góp phần cải thiện môi trường thu hút đầu tư, gắn kết các KCN trên địa bàn Tỉnh.

3.3. Đưa ra một số kiến nghị

3.3.1. Đối với tỉnh Vĩnh Phúc

Quy hoạch KCN phải đảm bảo sự phát triển lâu dài của doanh nghiệp. Do đó, diện tích sử dụng phải phù hợp trước mắt cũng như lâu dài của dự án.

Tỉnh cần chú trọng đến công tác cải cách hành chính đặc biệt là cải các các thủ tục hành chính để tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường thu hút đầu tư, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp để thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng cần kết hợp với các tổ chức ban ngành tại một số các KCN thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động và phát triển của các KCN đó để nếu nhợt xuất hiện bất kỳ khó khăn nào thì có thể kịp thời tháo gỡ.

Đặc biệt trong thời buổi dịch bệnh nhợt hiện nay, tỉnh cần kết hợp chặt chẽ với nhiều các đơn vị tổ chức khác nhợt (Sở Y Tế, Bộ công an,...) để kịp thời ngăn chặn dịch bệnh không lây lan tái phát, đảm bảo đợc đời sống an toàn cho mọi người dân đồng thời phát triển KT-XH bền vững.

3.3.2. Đối với Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc

Thợt xuyên tổ chức các lớp tập huấn đào tạo cho đội ngũ cán bộ công nhân viên để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả quản lý.

Chú trọng lớn vào công tác quy hoạch của tỉnh đồng thời triển khai các chương trình, hoạt động thu hút vốn đầu tợ FDI vào các KCN trên địa bàn tỉnh.

Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp muốn mở rộng thị trường, mở rộng sản phẩm; liên kết sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp FDI trong các KCN với doanh nghiệp trong nớc để họ có thể hợp tác kinh doanh tạo hiệu quả cao.

Trong tình hình Covid-19 diễn biến phức tạp, cần thợt xuyên kiểm tra và rà soát hoạt động của các công nhân viên để đảm bảo an toàn cho doanh nghiệp nói riêng và cho toàn tỉnh nói chung. Chú trọng trong việc khai báo tạm trú, khai báo y tế tại địa phương theo quy định; thực hiện nguyên tắc 5K trong phòng chống dịch Covid-19.

3.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Sau 24 năm tái lập (1997-2021), Vĩnh Phúc đã vươn lên trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tợ ở khu vực miền Bắc và gia nhập danh sách ở các địa phương đóng góp lớn cho ngân sách nhà nớc. Trên cơ sở xác định khu vực FDI tiếp tục là động lực tăng trưởng chứng giai đoạn tới tỉnh sẽ tập trung thu hút có chọn lọc học hợng đến những dự án đầu tợ có hàm lượng công nghệ cao, dự án “xanh”.

Dựa trên thực trạng thu hút đầu tợ vào các KCN của tỉnh trong giai đoạn 2018- quý III/2021, bài viết đã đợa ra các giải pháp và phương hợng, mục tiêu rõ ràng để nhằm mục đích thu hút đầu tợ trực tiếp nớc ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình tìm hiểu và hoàn thiện bài luận văn vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Chính vì vậy mà những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu là:

- Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong hoạt động thu hút đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc trong bối cảnh đại dịch Covid-19.

- Chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
- Các biện pháp để đẩy nhanh các dự án chậm tiến độ tại các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
- Chính sách thu hút vốn đầu tư công nghệ cao vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
- Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại các doanh nghiệp FDI và các hoạt động liên quan đến FDI.

Em mong rằng những vấn đề này được tập trung nghiên cứu sâu sắc hơn trong những bài báo cáo chuyên đề khác để từ đó giúp tỉnh Vĩnh Phúc đạt được những kết quả nổi trội hơn trong đầu tư để từ đó giúp KT-XH của tỉnh ngày một phát triển mạnh mẽ.

KẾT LUẬN

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là một trong những hướng đi đến thành công của nhiều quốc gia trên thế giới trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đã trở nên không còn xa lạ đối với các quốc gia đang phát triển, nhất là trong điều kiện hội nhập kinh tế ngày càng mạnh mẽ hơn hiện nay.

Nhận thức vai trò của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế của tỉnh, trong những năm gần đây Vĩnh Phúc đã thúc đẩy cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào địa bàn tỉnh, đặc biệt là vào các KCN tập trung, nhằm phát triển ngành công nghiệp của địa phương và bước đầu đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

Thực tế cho thấy tỉnh Vĩnh Phúc là một địa phương có nhiều ưu đãi có khả năng cạnh tranh về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài cao so với các khu vực tỉnh miền núi, trung du phía Bắc. Với kết quả đạt được, Vĩnh Phúc có nhiều tiềm năng phát triển công nghiệp, trong đó đầu tư trực tiếp nước ngoài là chủ yếu và phát triển các KCN là định hướng của tỉnh để thu hút nguồn vốn quan trọng này.

Trên đây là những khái quát cơ sở lý luận, thực trạng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc và một số giải pháp nhằm thu hút đầu tư vào các KCN. Tuy nhiên, đề tài mới chỉ dừng lại ở mức bao quát về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN trên địa bàn tỉnh chứ chưa đi sâu vào từng ngành, từng lĩnh vực cụ thể. Chính vì vậy tỉnh cần tiếp tục nghiên cứu để có những quyết định kịp thời và hợp lý để nhanh chóng tháo bỏ những khó khăn, vướng mắc của các nhà đầu tư cũng như các doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dojong Trọng Phụng (2020), *Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp trên địa bàn huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Thương Mại
2. Nguyễn Xuân Long (2019), *Tăng cường thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp tại tỉnh Vĩnh Phúc*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Thái Nguyên (Đại học kinh tế và quản trị kinh doanh)
3. Đặng Diệu Linh (2018), *Giải pháp đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Phú Thọ*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Đại học Thương Mại
4. Lâm Văn Đạt (2012), *Đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp tỉnh Bình Phước đến năm 2020*, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh
5. Lê sơn (13/07/2020), *Vĩnh Phúc “điểm sáng” cải cách hành chính*, Báo điện tử Chính phủ
6. Báo cáo tổng kết của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Vĩnh Phúc các năm 2018, 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021
7. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các KCN tỉnh Vĩnh Phúc các năm 2018, 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, Ban quản lý các KCN Vĩnh Phúc
8. Nguyễn Hằng (2021), *Vĩnh phúc sẽ phát triển 23-25 khu công nghiệp trong giai đoạn 2021-2030*, Kinh tế và Dự báo
9. Loqu Hiệp (2021), *Vĩnh Phúc – Lựa chọn hàng đầu cho nhà đầu tư FDI*, Công an nhân dân
10. Vũ Thị Yên – Trường đại học Thương Mại (2021), *Thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam giai đoạn 2010-2020*, Tạp chí Công Thương
11. Thanh Nga (2021), *Vĩnh Phúc có 15/426 dự án đầu tư FDI đến từ các nước Châu Âu*,

Công thông tin – giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc

Tham khảo miễn phí các tài liệu khác tại luanvantot.com

12. Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, *Báo cáo tình hình KT-XH các năm 2018, 2019, 2020, 9 tháng đầu năm 2021*
13. Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc, *Niên giám thống kê năm 2020*, Vĩnh Phúc
14. Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc (2020), *Vĩnh Phúc nhiều độ phá trong thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp*, vinhphuc.gov.vn

15. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong các KCN tỉnh Vĩnh Phúc các năm 2018, 2019, 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, Phòng kế toán tổng hợp thuộc Ban Quản lý các KCN Vĩnh Phúc
16. Công thông tin điện tử- giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc (2021), *Giới thiệu chung về Vĩnh Phúc*
17. Phùng Hải – Loqu Nhung (2021), *Thu hút FDI ở Vĩnh Phúc: Phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực*, Báo Vĩnh Phúc
18. TS.Lê Thùy Lâm – Học viện Chính sách và phát triển, Bộ kế hoạch và Đầu tư (2021) , *Vai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và giải pháp phát triển kinh tế Việt Nam*, Tạp chí Tài chính
19. Phan Tiến Ngọc (2006), *Vai trò của khu công nghiệp, khu chế xuất với phát triển kinh tế Việt Nam*, Nghiên cứu kinh tế số 341 về Hội nhập kinh tế
20. Võ Thanh Thu và cộng sự (2004), *Kỹ thuật đầu tư trực tiếp nước ngoài*, Nhà xuất bản Thống Kê, Hà Nội
21. Website Ban quản lý các KCN tỉnh Vĩnh Phúc: <http://banqlken.vinhphuc.gov.vn/>
22. Website Công thông tin – giao tiếp điện tử tỉnh Vĩnh Phúc: <https://vinhphuc.gov.vn/>
23. Website Sở Kế hoạch và Đầu tư Vĩnh Phúc: [http://sokhdt.vinhphuc.gov.vn /](http://sokhdt.vinhphuc.gov.vn/)
24. Website Cục thống kê tỉnh Vĩnh Phúc: <http://thongkevinhphuc.gov.vn/>

x